

BẢO CÁO THƯỜNG NIÊN
CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG ĐỒNG NAI
(Năm 2014)

I. Thông tin chung

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: Công ty Cổ phần Công trình Giao thông Đồng Nai;
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 3600259916, cấp lần 1 ngày 30/12/2005, cấp lại lần thứ 7 ngày 22/11/2011 tại Sở Kế hoạch – Đầu tư Đồng Nai;
- Vốn điều lệ: 24.810.000 VNĐ
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu:
- Địa chỉ: số 200, đường Nguyễn Ái Quốc, P. Trảng Dài, TP. Biên Hòa, T. Đồng Nai
- Số điện thoại: 061. 3899860; 3999039
- Số fax: 061.3899750
- Website: ctgtdongnai.com.vn
- Mã cổ phiếu: DGT

2. Quá trình hình thành và phát triển

- Quá trình hình thành và phát triển:

Công ty Cổ phần Công trình Giao thông Đồng Nai, trụ sở đặt tại số 200, đường Nguyễn Ái Quốc, phường Trảng Dài, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai. Tiền thân là Công ty Công trình Giao thông Vận tải Đồng Nai, được thành lập ngày 18 tháng 01 năm 1977. Theo thời gian Công ty đã có những bước đi vững chắc trong ngành nghề kinh doanh cốt lõi và hiện nay vẫn luôn phát triển theo đúng định hướng.

Từ ngày mới thành lập, lực lượng lao động có tay nghề kỹ thuật còn thấp; cơ sở vật chất còn ít ỏi, thiếu thốn. Đến nay Công ty đã có đầy đủ các tổ chức Đảng, Công đoàn, Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh và các đoàn thể khác... Công ty có 4 Phòng chức năng, 09 đơn vị trực thuộc, 01 Xí nghiệp khai thác đá, 01 Xí nghiệp khai thác cát, 01 Xí nghiệp Bê tông nhựa nóng Đắc Nông và 01 Ban quản lý dự án đầu tư Khu công nghiệp Thạnh Phú với 126 CB.CNV. Công ty đã mạnh dạn đầu tư đổi mới thiết bị phương tiện như : Trạm trộn Bê tông nhựa nóng công nghệ hiện đại, dây chuyền thảm bê tông nhựa nóng, tổ hợp nghiền sàng đá, mua mới hàng chục phương tiện thi công như xe ben, xe xúc, xe lu và một đội xe vận tải nặng có sức chở từ 10-15 tấn để đáp ứng phương tiện thi công công trình lớn. Công ty đã áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào việc thi công nền hạ, mặt đường, đường bê tông nhựa nóng, các loại cầu bê tông cốt thép và hiện nay đã đủ khả năng đảm nhận thi công công trình lớn, kỹ thuật cao, khẳng định vị thế của Công ty trong nền kinh tế thị trường.

Công ty thực hiện việc sắp xếp bộ máy gọn nhẹ, coi trọng bồi dưỡng đào tạo đội ngũ nhất là cán bộ khoa học kỹ thuật và không ngừng chăm lo cải thiện đời sống vật chất và tinh thần cho cán bộ, công nhân. Ngoài ra Công ty còn chú trọng công tác xã hội, góp phần xóa đói giảm nghèo, ủng hộ các quỹ xã hội với hàng trăm triệu đồng; nhận chăm sóc suốt đời 2 bà mẹ Việt Nam anh hùng, 2 bà mẹ liệt sỹ... tặng nhà tình thương, tình nghĩa...

Với những thành tích đó, Công ty đã được Nhà nước tặng thưởng huân chương lao động hạng nhất, hạng nhì, hạng ba, bằng khen của Thủ tướng Chính phủ và nhiều cờ thi đua xuất sắc của Bộ GTVT, UBND tỉnh Đồng Nai.

Từ năm 2005 đến nay Công ty chuyển sang Công ty cổ phần hóa, CB.CNV Công ty Cổ phần Công trình Giao thông Đồng Nai nêu cao quyết tâm, ý chí một lòng phấn đấu hoàn thành nhiệm vụ, tổ chức kinh doanh có hiệu quả theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên được thông qua tại Đại hội hàng năm.

- Các sự kiện khác.

3. *Ngành nghề và địa bàn kinh doanh*

3.1. Ngành nghề kinh doanh:

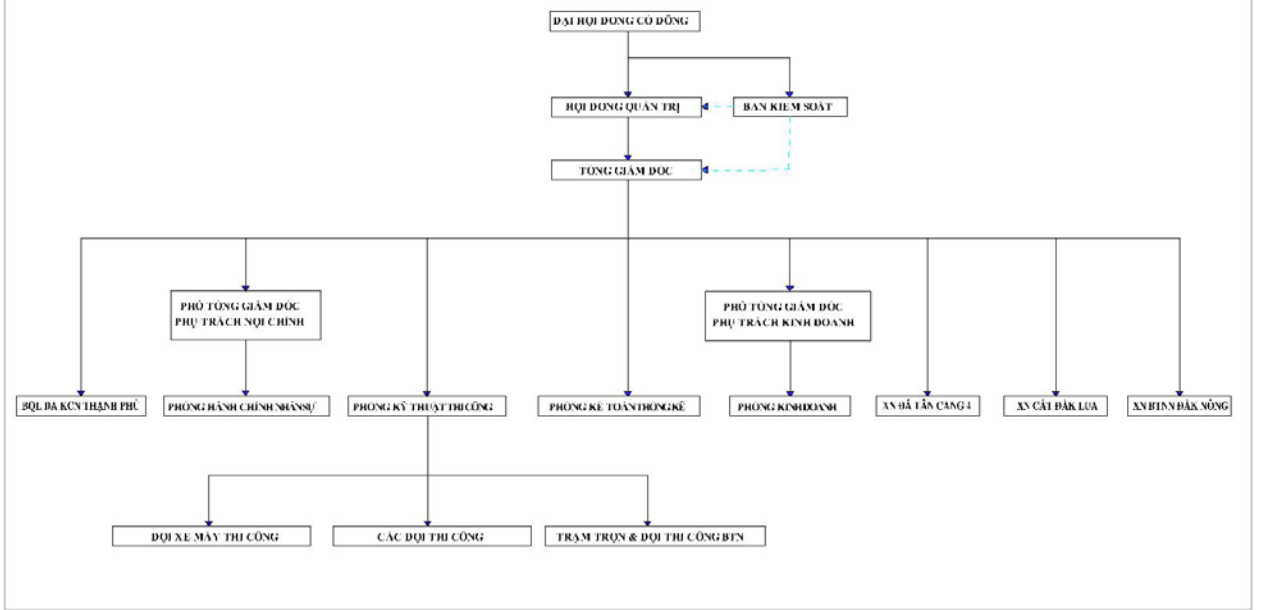
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ;
- Nạo vét kênh, rạch;
- Chuẩn bị mặt bằng;
- Sản xuất, kinh doanh Bê tông nhựa nóng và các cấu kiện bê tông đúc sẵn;
- Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp;
- Cho thuê nhà xưởng, kho bãi
- Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng công trình;
- Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
- Khai thác vật liệu xây dựng;
- Buôn bán vật liệu xây dựng;

3.2. Địa bàn kinh doanh: tỉnh Đồng Nai, tỉnh Đắk Nông và một số công trình tại các tỉnh miền Tây Nam bộ.

4. *Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý*

- Mô hình quản trị.
- Cơ cấu bộ máy quản lý.

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC



- Các công ty con, công ty liên kết: Không có.
- 5. **Định hướng phát triển**
- Các mục tiêu chủ yếu của Công ty.
 - + Tăng vốn Công ty lên 100 tỷ trong năm 2014;
 - + Nâng cao năng lực công ty bằng việc đầu tư máy móc thiết bị thi công cơ giới;
 - + Tiến tới thành lập nên Tổng Công ty xây dựng và vật liệu xây dựng;
 - + Đảm bảo mức tăng doanh thu xây lắp hàng năm từ 15-20%.
 - + Đảm bảo mức lợi nhuận hàng năm của Công ty từ 5% trở lên và mức chia cổ tức hàng năm từ 10-15%.
 - + Nhanh chóng hoàn thành các thủ tục pháp lý và công tác đầu tư Xây dựng cơ bản các dự án đang triển khai để tạo ra sản phẩm mang về doanh thu và lợi nhuận cho Công ty.
 - + Triển khai đầu tư xây dựng các dự án mới để nhanh chóng đi vào hoạt động tạo doanh thu cho Công ty.
 - + Tăng trưởng doanh thu của các dự án chiếm 30% trên tổng doanh thu của toàn Công ty trong 3 năm tới.
 - + Giảm 10% tỷ lệ vốn lưu động vay/ doanh thu trong thi công xây dựng cơ bản.
- Chiến lược phát triển trung và dài hạn.
- Chiến lược trung hạn:
 - + Đẩy mạnh đầu tư xe máy thiết bị thi công cơ giới để nâng cao năng lực công ty.
 - + Mở rộng thị trường thi công xây dựng sang các tỉnh miền Tây Nam Bộ, Tây nguyên và miền Trung.
 - + Mở rộng sang lĩnh vực thi công xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp.
 - + Tiến hành sát nhập một số công ty trong nhóm Xây dựng và Vật liệu xây dựng trong năm 2015 để thành lập Tổng Công ty Xây dựng và Vật liệu xây dựng;

- + Nhanh chóng thi công hoàn tất các Công trình đang thực hiện dở dang;
 - + Đẩy mạnh tìm kiếm các công trình mới để đảm bảo sản lượng và doanh thu cho những năm tiếp theo;
 - + Đưa các Đội thi công của Công ty tiến lên thành lập những Xí nghiệp thi công trực thuộc công ty;
 - + Nhanh chóng hoàn thành các thủ tục pháp lý và công tác đầu tư Xây dựng cơ bản các dự án đang triển khai để tạo ra sản phẩm mang về doanh thu và lợi nhuận cho Công ty, cụ thể các dự án như sau: Mỏ đá Tân Cang 4, Xí nghiệp Cát Đắc Lua, Trạm trộn BTNN Đắc Nông;
 - + Chấn chỉnh công tác quản lý, hoàn thiện cơ cấu tổ chức, bộ máy quản lý, công tác quản trị nhân sự, quản trị văn phòng.
- Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của Công ty.
- + Thực hiện các dự án cũng như thi công xây dựng các công trình đảm bảo vấn đề vệ sinh môi trường, an toàn lao động, phòng chống cháy nổ.
 - + Nghiêm chỉnh chấp hành các quy định của Nhà nước về vệ sinh môi trường, an toàn lao động và phòng chống cháy nổ.
 - + Thi công các công trình đảm bảo chất lượng góp phần vào sự phát triển cơ sở vật chất hạ tầng kỹ thuật tại các địa phương Công ty triển khai xây dựng.
 - + Tích cực tham gia đóng góp cho các chương trình từ thiện xã hội tại các địa phương, địa bàn Công ty triển khai xây dựng và thực hiện dự án.
 - + Góp phần giải quyết vấn đề việc làm cho nhân dân tại các địa bàn Công ty triển khai xây dựng và thực hiện dự án.
 - + Đảm bảo tốt chế độ làm việc, lương thưởng và các chế độ chính sách cho người lao động.
 - + Chia sẻ với cộng đồng và người nghèo bằng cách tham gia: các chương trình xã hội do địa phương, tổng công ty phát động; hằng năm xây dựng nhà tình thương cho người nghèo.
 - + Khuyến khích nhân viên tham gia hiến máu nhân đạo hằng năm và làm công tác từ thiện, giúp đỡ nhau khi gặp khó khăn.

6. Các rủi ro:

- + Các khoản vay đầu tư trong tình hình biến động giá và lãi suất cho vay tăng cao so với giá trị dự toán đầu tư ban đầu của các dự án làm khó khăn cho việc vay và trả nợ các khoản vay.
- + Công tác giải phóng mặt bằng vướng mắc, kéo dài gây ứ đọng vốn vay chi trả đền bù; Diện tích đất đã thực hiện bồi thường da beo không thể thực hiện công tác đầu tư XDCB hạ tầng và chưa đủ điều kiện giao đất sạch cho nhà đầu tư, dẫn đến dự án không có doanh thu để hoàn trả lãi và vốn vay đến hạn.
- + Các khoản nợ khó đòi từ việc thi công xây dựng các công trình vốn ngân sách nhà nước;
- + Việc mở rộng địa bàn thi công xây dựng sang các tỉnh mới gặp nhiều khó khăn, rủi ro về nguồn cung cấp nguyên vật liệu, máy móc thiết bị thi công xây dựng, nhân công, các quy định về đầu tư xây dựng cơ bản tại địa phương, sự cạnh tranh gay gắt với các đơn vị trong khu vực.
- + Việc thanh toán và giải ngân vốn của các công trình chậm ảnh hưởng đến khả năng tài chính và xoay vòng vốn sản xuất của Công ty.
- + Trong tình hình suy giảm của nền kinh tế, đầu tư công cắt giảm gây khó khăn cho việc ký kết các hợp đồng có giá trị cao và sẽ có ảnh hưởng đầu ra tiêu thụ các sản phẩm của xí nghiệp đá, cát.

+ Lãi suất cho vay của các tổ chức tín dụng làm tăng giá thành và giảm lợi nhuận và tích lũy vốn đầu tư của Công ty.

II. Tình hình hoạt động trong năm

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm:

+ Những thay đổi và biến động về chiến lược kinh doanh, doanh thu, lợi nhuận, chi phí, thị trường, sản phẩm:

Trong năm 2013, trước những khó khăn và biến động của thị trường, Công ty phải đưa ra những thay đổi về chiến lược để đảm bảo doanh thu, lợi nhuận cũng như kế hoạch sản lượng cho những năm tiếp theo. Cụ thể, Công ty phải mở rộng tìm kiếm công trình tại các khu vực lân cận và các tỉnh mới thành lập như Đắk Nông, các tỉnh miền Tây Nam bộ, Tây nguyên,... đồng thời đẩy nhanh tiến độ thi công hoàn thành các công trình thi công dở dang để thu hồi vốn. Ngoài ra, Công ty rất cần sự giúp đỡ của Tổng Công ty Phát triển Khu công nghiệp (Sonadezi) cũng như các cơ quan Ban ngành trong tỉnh Đồng Nai để giải quyết những khoản nợ của Ngân sách nhà nước tại Ban quản lý dự án các huyện trong tỉnh. Song song đó, Công ty cũng tiết giảm và hạn chế những chi phí quản lý, chi phí hoạt động để giảm bớt gánh nặng chi phí. Bên cạnh đó, Công ty cũng đẩy nhanh tiến độ thực hiện hoàn thành các dự án để nhanh chóng đi vào khai thác tạo doanh thu tránh để tình trạng dự án kéo dài dẫn đến lãi vay ngân hàng cao ảnh hưởng đến hiệu quả đầu tư của dự án.

- Tình hình thực hiện so với kế hoạch:

Đvt: triệu

đồng

STT	Một số chỉ tiêu chủ yếu	Thực hiện năm 2012	Kế hoạch 2013	Thực hiện năm 2013	Tỷ lệ thực hiện/kế hoạch năm 2013 (%)	Tỷ lệ thực hiện năm 2013/năm 2012 (%)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(5)/(4)	(7)=(5)/(3)
1	Doanh thu	125.133	130.000	165.000	126,9	131,8
2	Lợi nhuận trước thuế	1.000	1.500	1.300	86,6	130
3	Nộp ngân sách	3.000	3.300	3.590	108,8	119,6
4	Đầu tư XD CB	7.000	100.000	78.204	78,2	1.117,2

Trong tình hình suy thoái của nền kinh tế, không thuận lợi cho việc phát hành cổ phiếu để tăng vốn điều lệ trong khi lạm phát tăng cao làm nguồn vốn cho kế hoạch sản xuất và đầu tư tăng lên một cách đáng kể. Hiện nay nguồn vốn của Công ty thường không đáp ứng được yêu cầu sản xuất, nên áp lực về vốn lưu động cho sản xuất rất lớn. Ngoài ra, trong năm giá nhiên liệu, nhựa đường vẫn tiếp tục tăng cao, cũng như lãi suất vay giảm không đáng kể làm tăng giá thành công trình, ảnh hưởng lớn đến kết quả sản xuất kinh doanh. Những khó khăn trên ảnh hưởng cả về Xây dựng cơ bản cũng như thực hiện các Dự án. Mặt khác do nguồn vốn ngân sách nhà nước nợ chưa thanh toán cho Công ty khá lớn nên đã ảnh hưởng đến việc xoay vốn và kế hoạch sản xuất kinh doanh

của Công ty. Tuy nhiên, trong năm 2013, Công ty cũng đã cố gắng, nỗ lực hết sức để hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch như chỉ tiêu doanh thu, duy nhất chỉ tiêu lợi nhuận không đạt do phải bù lỗ chi phí thi công công trình các năm trước.

2. Tổ chức và nhân sự

– Danh sách Ban điều hành:

- + Bì Long Sơn – TGD
- + Tăng Xuân Hưng – P.TGD
- + Đặng Thành Long – P.TGD
- + Đoàn Quang Nho – P.TGD

– Những thay đổi trong Ban điều hành:

- + Bổ nhiệm ông Đoàn Quang Nho giữ chức vụ Phó Tổng giám đốc Công ty kể từ ngày 01/7/2013 (Thời hạn bổ nhiệm là 01 năm, từ ngày 01/7/2013 đến hết ngày 30/6/2014).
- + Bổ nhiệm ông Tăng Xuân Hưng – Phó TGD kiêm Giám đốc chi nhánh Công ty CP Công trình Giao thông Đồng Nai – Xí nghiệp Bê tông nhựa nóng kể từ ngày 01/11/2013 (Thời hạn bổ nhiệm là 01 năm, từ ngày 01/11/2013 đến hết ngày 30/10/2014).

– Số lượng cán bộ, nhân viên:

Số lượng CB.CNV tính đến ngày 31/12/2013 là 124 người (nữ 16 người). Trong đó:

- + Trình độ Thạc sỹ: 05 người.
- + Trình độ Đại học: 42 người.
- + Trình độ Cao đẳng: 02 người.
- + Trình độ Trung cấp: 10 người.
- + Trình độ Sơ cấp: 12 người.
- + CNKT: 53 người.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

a) Các khoản đầu tư lớn: Các khoản đầu tư lớn được thực hiện trong năm (bao gồm các khoản đầu tư tài chính và các khoản đầu tư dự án), tình hình thực hiện các dự án lớn.

DỰ ÁN MỎ ĐÁ TÂN CANG 4 (25,674 hécta):

Đầu tư cho công tác đền bù và xây dựng cơ bản Mỏ đá Tân Cang 4 với giá trị khoảng 25 tỷ đồng. Trong năm 2013, Mỏ đá Tân Cang 4 đã đền bù được khoảng 6,3 ha và đang tiếp tục thực hiện công tác đền bù. Song song đó, Công ty cũng đang ký kết hợp đồng với các đối tác để khai thác bóc đất tầng phủ, hàng năm thu được khoảng 1 tỷ đồng từ việc bán đất tầng phủ.

DỰ ÁN KCN THANH PHÚ (177 hécta):

Đầu tư cho công tác đền bù giải phóng mặt bằng và thi công xây dựng hạ tầng KCN Thanh Phú với giá trị khoảng 82 tỷ đồng. Hiện nay, KCN Thanh Phú đã đền bù được 28 ha; thi công hoàn thành và đưa vào sử dụng Nhà máy xử lý nước thải giai đoạn 1. Hiện nay đang tiếp tục triển khai thi công xây dựng hạ tầng kỹ thuật. Trong năm 2013, KCN Thanh Phú đã ký hợp đồng cho thuê được 4,8 ha đất công nghiệp.

DỰ ÁN MỎ CÁT ĐẮK LƯA (20 Km đường sông):

Đầu tư xây dựng cơ bản cho Mỏ cát Đắc Lua với giá trị khoảng 3 tỷ đồng. Hiện nay Mỏ cát Đắc Lua đã đưa vào kinh doanh khai thác và thành lập được 02 Cửa hàng bán cát tại Bình Phước và Lâm Đồng. Năm 2013 thu về cho Công ty khoảng 100 triệu đồng doanh thu bán cát.

DỰ ÁN KHU DÂN CƯ XÃ HÓA AN (38 hécta):

Đầu tư xây dựng và lắp đặt mới Trạm trộn BTNN tại tỉnh Đắc Nông với tổng giá trị khoảng 18 tỷ đồng. Hiện nay, Trạm BTNN đang cung cấp BTNN cho hầu hết các gói thầu của Quốc lộ 14. Năm 2013, doanh thu từ việc bán BTNN của Trạm khoảng 10 tỷ đồng.

ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH:

Kết quả đầu tư vào cổ phiếu của Công ty Cổ phần Sonadezi Châu Đức trong năm 2012 với hiệu quả không cao với cổ tức được chia là 0 đồng (0 %). Do đó, Công ty đã thực hiện sang nhượng toàn bộ Cổ phần của Công ty Cổ phần Sonadezi Châu Đức cho Công ty Cổ phần Sonadezi Long Thành thu hồi vốn về được 9,8 tỷ đồng để cấp vốn thi công các công trình. Hiện Công ty Sonadezi Long Thành đã trả trước đợt 1 cho Công ty được 4,9 tỷ đồng.

Kết quả đầu tư vào cổ phiếu của Công ty Cổ phần Sonadezi Dịch vụ trong năm 2012 với cổ tức được chia là 150.000.000đ (15 %). Tuy nhiên, phải đợi đến cuối tháng 12/2013 Công ty Sonadezi Dịch vụ mới chi trả cổ tức.

b) Các công ty con, công ty liên kết: Không có.

4. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài chính

Đvt: Triệu đồng			
Chỉ tiêu	Năm 2012	Năm 2013	% tăng giảm
<i>* Đối với tổ chức không phải là tổ chức tín dụng và tổ chức tài chính phi ngân hàng:</i>			
Tổng giá trị tài sản	260.153	340.137	31
Doanh thu thuần	120.903	155.294	28
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	529	684	29
Lợi nhuận khác	374	497	33
Lợi nhuận trước thuế	903	1.181	31
Lợi nhuận sau thuế	858	865	1
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	05%		
<i>* Đối với tổ chức tín dụng và tổ chức tài chính phi ngân hàng:</i>			
Tổng giá trị tài sản			
Doanh thu			
Thuế và các khoản phải nộp			
Lợi nhuận trước thuế			
Lợi nhuận sau thuế			

– Các chỉ tiêu khác: (tùy theo đặc điểm riêng của ngành, của công ty để làm rõ kết quả hoạt động kinh doanh trong hai năm gần nhất).

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Các chỉ tiêu	Năm 2012	Năm 2013	Ghi chú
<i>Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</i>			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn: TSLĐ/Nợ ngắn hạn	2,039	2,678	31
+ Hệ số thanh toán nhanh: TSLĐ - Hàng tồn kho Nợ ngắn hạn	1,716	2,341	36
<i>Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</i>			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,810	0,856	6
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	4,273	5,968	40
<i>Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</i>			
+ Vòng quay hàng tồn kho: <u>Giá vốn hàng bán</u> Hàng tồn kho bình quân	3,011	3,483	16
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	0,465	0,457	-2
<i>Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</i>			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	0,007	0,006	-22
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	0,017	0,018	2
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	0,003	0,003	-23
Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	0,004	0,004	1

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a) Cổ phần: Tổng số cổ phần 2.481.000 CP đang lưu hành.

- Số lượng CP chuyển nhượng tự do: 900.000 CP;
- Số lượng CP hạn chế chuyển nhượng: 1.581.000 CP.
- Chứng khoán giao dịch ở nước ngoài: Không có.

b) Cơ cấu cổ đông:

Tổng số cổ đông tính đến ngày 24/12/2013 (ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện quyền nhận cổ tức bằng tiền mặt của năm 2012) là 159 cá nhân và 03 tổ chức sở hữu CK công ty Cổ phần Công trình Giao thông Đồng Nai.

- 01 Cổ đông lớn sở hữu: 1.581.000 CP, chiếm 63,7%;
- 161 Cổ đông nhỏ sở hữu: 900.000 CP, chiếm 36,3 %.
- Cổ đông trong nước: 162 cổ đông sở hữu 2.481.000 CP, chiếm 100%;
- Cổ đông nước ngoài: Không có;
- Cổ đông Nhà nước: 01 cổ đông, sở hữu 1.581.000 CP, chiếm tỷ lệ 63,7%

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không có.

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có.

- e) Các chứng khoán khác: Không có.

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Năm qua, trong bối cảnh kinh tế nước ta vẫn tiếp tục đối mặt với nhiều khó khăn như: lãi suất vay thương mại ở **mức cao trung bình là 13%/năm** và Chính phủ vẫn thực hiện giải pháp thắt chặt tiền tệ và cắt giảm đầu tư công theo tinh thần Nghị quyết số 11, trong đó được thực hiện trên nhiều lĩnh vực kinh tế - xã hội. Hệ quả là việc tìm kiếm việc làm rất khó khăn, **nhất là các công trình trong tỉnh Đồng Nai**.

Tuy điều kiện kinh doanh trong năm qua không thuận lợi, vẫn còn nhiều khó khăn nhưng tập thể HĐQT Công ty đã kịp thời đưa ra những quyết định phù hợp, cùng với Ban Tổng giám đốc và CB-NV Công ty nỗ lực vượt qua khó khăn để thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông 2013 và đã đạt được một số kết quả như sau:

1./ Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2013.

Đơn vị tính: triệu đồng

Stt	Nội dung	Th/hiện 2012	K/hoạch 2013	Th/hiện 2013	(%) thực hiện/kế hoạch
1	Tổng tài sản	256.743		340.137	
2	Tổng Doanh thu và thu nhập khác	126.321	130.000	160.116	123,16
	+ Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	120.904		155.294	
	+ Doanh thu hoạt động tài chính	4.497		4.173	
	+ Thu nhập khác	920		649	
3	Tổng chi phí	125.417	128.500	158.934	123,68
	+ Chi phí tài chính	3.572		4.775	
	+ Chi phí quản lý doanh nghiệp	8.558		8.033	
4	Lợi nhuận trước thuế TNDN	904	1.500	1.182	78,80
5	Thuế TNDN	45		316	
6	Lợi nhuận sau thuế TNDN	859		866	
7	Tỷ suất lợi nhuận trên vốn đầu tư của chủ sở hữu	3,64%		3,49%	
8	Lãi cơ bản trên cổ phần	381		347	

Trong năm 2013 Công ty không hoàn thành kế hoạch lợi nhuận do Đại hội đồng cổ đông giao do chi phí tài chính tăng **33,67%** và **chi phí quản lý doanh nghiệp giảm khoảng 6,2% so với năm 2012 trong khi doanh thu tăng 23%**.

2./ Chi tiết tình hình một số lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

2.1/ Hoạt động thi công xây lắp:

Tại Đại hội đồng cổ đông thường niên 2013, Hội đồng quản trị đã xác định cần phải mở rộng thị trường đối với hoạt động thi công xây dựng cầu đường và tìm kiếm các khách hàng là doanh nghiệp để giảm bớt phụ thuộc vào nguồn công việc từ ngân sách Nhà nước. Theo chủ trương này, Công ty đã đấu và trúng thầu một số công trình của Công ty CP Sonadezi Châu Đức, Công ty CP Sonadezi Long Thành và Công ty CP BOT ĐắkNông – Gia Lai có giá trị cao nên trong năm 2013 Công ty đã không thiếu việc làm, cũng như có sản lượng gói đầu cho năm 2014.

Doanh thu xây lắp năm 2013 là 155.294 triệu đồng tăng **28% so với năm 2012 đây là một kết quả khả quan và đi đúng hướng mà hội đồng quản trị đã đề ra**.

2.2/ Thực hiện đầu tư các dự án trọng điểm.

Đại hội đồng cổ đông năm 2013 giao Hội đồng quản trị xem xét đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án của Công ty và đến nay kết quả đạt được như sau:

a./ Dự án Khu Công nghiệp Thạnh Phú:

Công tác thu hồi đất: Dự án hiện đang thực hiện bồi thường giải phóng mặt bằng và triển khai công tác xây dựng một số hạng mục hạ tầng. Tuy nhiên tiến độ chậm do còn nhiều hộ dân chưa chịu nhận tiền bồi thường. Tính đến ngày 31/12/2013 đã thu hồi được 38,7 ha/114 ha đất phải thu hồi;

Công tác đầu tư xây dựng:

- Thi công xong hoàn thành nhà máy xử lý nước thải giai đoạn 1 và đã vận hành thử các thiết bị.
- Thi công đường Số 1, Số 6 giai đoạn 1 (phần kết cấu áo đường) đã thực hiện đạt được giá trị khoảng 1,1 tỷ đồng.
- Thiết kế + thẩm tra tuyến cáp điện cho toàn khu công nghiệp + hệ thống chiếu sáng đường Số 1, 6, 7 ước kinh phí 370 triệu đồng đang thực hiện;
- Thiết kế đường Số 4 ước kinh phí 416 triệu đồng đã hoàn thành;
- Nhà xưởng cho thuê đã khảo sát địa chất, lập thiết kế cơ sở;
- Hoàn thành cơ bản các tuyến cáp, thoát nước mưa, nước thải đường Số 1 và hoàn thành hệ thống cấp điện cho nhà máy xử lý nước thải.

Về công tác tiếp thị cho thuê đất:

- Giới thiệu, chào mời khách hàng tiềm năng, khách hàng mới có quan tâm về các khu đất đã thu hồi được, khu đất theo điều chỉnh quy hoạch kinh doanh mới được UBND tỉnh phê duyệt năm 2013.
- Trong năm đã ký hợp đồng, bàn giao cho công ty Chang Shin Việt Nam xây dựng mở rộng nhà máy với diện tích là 40.606 m². Trong quý IV đã ký thêm 1 hợp đồng cho thuê lại đất với công ty TNHH Hòa Bình, diện tích 6.000 m².
- Kết quả sản xuất kinh doanh Ban quản lý dự án KCN Thạnh Phú năm 2013:

Đơn vị tính: triệu đồng

Stt	Nội dung	Th/hiện 2013	Ghi chú
1	Tổng tài sản	137.382	
2	Tổng Doanh thu và thu nhập khác	1.548	
	+ <i>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</i>	547	
	+ <i>Doanh thu hoạt động tài chính</i>	1.001	
	+ <i>Thu nhập khác</i>		
3	Tổng chi phí	1.528	
	+ <i>Chi phí tài chính</i>		
	+ <i>Chi phí quản lý doanh nghiệp</i>	1.455	
4	Lợi nhuận trước thuế TNDN	20	

b./ Dự án mỏ đá Tân Cang:

Năm 2013, tổng diện tích đã thu hồi đã được phê duyệt theo các quyết định là 19/25,5 ha diện tích phải thu hồi. Tình hình thu hồi đất rất khó khăn và phức tạp, do người dân không đồng thuận về mức bồi thường và việc quy chủ để bồi thường. Tuy diện tích thu hồi có hạn chế nhưng đối tác mua đất tăng phủ vẫn cố gắng thực hiện theo hợp đồng. Công ty đang khẩn trương làm việc với các cơ quan hữu quan để thực hiện công tác bồi thường giải phóng mặt bằng và liên hệ, tìm kiếm đối tác hợp tác kinh doanh thực hiện dự án.

Công tác Bồi thường giải phóng mặt bằng:

- Tổng diện tích thu hồi được phê duyệt theo các quyết định bồi thường đến cuối năm 2013 là 19 ha/25,5 ha diện tích phải thu hồi;
- Tổng kinh phí Công ty đã chuyển TTPTQĐ để chi trả: 19.589.387.000 đồng và đã chi trả được trên 18 tỷ;
- Tổng diện tích đã được bàn giao cho Công ty khai thác bóc phủ là 6,32 ha;
- Đã hoàn thiện tất cả các hồ sơ đền bù, giải tỏa.

Công tác Sản xuất:

Khối lượng bóc phủ trong lũy kế đến cuối quý IV năm 2013 là 110.934 m³. Công tác bóc phủ đến nay chỉ khai thác cầm chừng vì đường vận chuyển chưa có và đường tạm xa và đi rất khó.

Công tác ĐT XD CB và thủ tục pháp lý:

- Đang thuê tư vấn lập dự án xả thải nước sản xuất;
- Đã được cấp giấy đủ điều kiện về An ninh trật tự;
- Đã ký phụ lục gia hạn hợp đồng khai thác đất phủ và liên hệ với đối tác là doanh nghiệp Mỹ Duyên hợp tác nhận khai thác đá trên diện tích **10 ha** mở khi có đất được giao.
- Đã liên hệ với chính quyền địa phương thống nhất chủ trương làm cầu, đường vào Mỏ của Công ty.
- Đã gia hạn xong giấy phép giải ngân cho dự án với ngân hàng Vietcombank đã hết hạn.

c./ Dự án mỏ cát Đắklua:

- Đã hợp đồng thuê các mặt bằng bãi chứa cát.
- Đã hoàn thiện cơ bản công tác tổ chức bộ máy điều hành Xí nghiệp
- Đã xin giấy phép kinh doanh và hoàn tất hồ sơ pháp lý sản xuất kinh doanh của 2 chi nhánh tại Bình Phước và Lâm Đồng.
- Đã khai thác được khoảng 20.000 m³ cát.
- Đang hoàn tất thủ tục mở thêm bãi mới tại Huyện Cát Tiên, tỉnh Lâm Đồng.
- Đến nay đã hoàn thiện định mức khoán khai thác cho các đơn vị khai thác.

d./ Dự án khu dân cư 38 ha xã Hóa An:

Hiện nay đã có chủ trương thống nhất giữa các Bên tham gia dự án về việc ngừng thực hiện dự án và UBND tỉnh Đồng Nai cũng đã có văn bản thu hồi dự án. Công ty đang tổng kết chi phí để chấm dứt dự án và thanh lý với các đồng Chủ đầu tư.

e./ Dự án khu nhà ở 12 ha phường Bửu Long:

- Đã kiểm toán xong phần việc công ty tự làm và hoàn tất công tác thanh quyết toán với đối tác liên doanh là Quỹ đầu tư và Phát triển tỉnh Đồng Nai.
- Công ty đã thực hiện việc thẩm định giá Nhà Ban quản lý nhưng vẫn chưa có người đăng ký mua. Hiện tại, Công ty vẫn đang tiếp tục công tác quảng cáo, tiếp thị để thanh lý nhà Ban quản lý dự án còn lại của dự án.

f./ Dự án bến thủy nội địa KCN Biên Hòa I (Trạm bê tông nhựa DT 15.229,4 m²):

- Sản xuất BTNN cung cấp cho các công trình đang thi công của Công ty và bán cho khách hàng bên ngoài. Đến cuối năm 2013 Trạm ngưng hoạt động và chuyển nhân sự lên trạm bê tông nhựa mới đầu tư tại tỉnh Đắk Nông.
- Hiện đang ký hợp đồng cho thuê bến thủy nội địa với các đơn vị kinh doanh bên ngoài.
- Công ty đang tiếp thị để cho thuê một phần đất còn để trống trong khu vực Trạm trộn BTNN để tạo thêm doanh thu.
- Dự kiến trong năm 2014 Công ty sẽ tiến hành thanh lý Trạm trộn BTNN tại KCN Biên Hòa 1 vì Trạm BTNN này đã quá cũ và đã hết khấu hao.

g/ Dự án xây dựng trạm bê tông nhựa nóng – tỉnh Đắk Nông:

Trong quý IV năm 2013 Công ty đã đầu tư mới 01 trạm trộn bê tông nhựa nóng công suất 110 – 120 tấn/h và trong tháng 12 đã sản xuất được 4.700 tấn bê tông nhựa cung cấp cho Công ty và khách hàng.

h/ Xem xét phương án khai thác các khu đất công ty đang quản lý, sử dụng:

- Khu đất văn phòng công ty (diện tích 15.188,4 m²): Tiến hành các thủ tục đất đai và điều chỉnh hợp đồng thuê đất với Cơ quan nhà nước. Tiếp thị mời gọi hợp tác kinh doanh với các đối tác về khu đất của Công ty để xây dựng kinh doanh chuỗi nhà hàng, tiệc cưới.
- Khu đất 2,7 ha tại xã Thiện Tân, huyện Vĩnh Cửu: Đang nghiên lập dự án đầu tư, tìm kiếm đối tác hợp tác kinh doanh.
- Khu đất Hạt duy tu 1 phường Quang Vinh (diện tích 8.033 m²): Đang thực hiện thủ tục bàn giao mặt bằng cho Tổng Công ty thực hiện dự án.
- Khu đất Hạt duy tu 2 xã Bình Hòa, huyện Vĩnh Cửu (diện tích 854,3 m²): Đang xem xét lập phương án đầu tư.
- Khu đất Hạt duy tu 3 xã Lang Minh, huyện Xuân Lộc (diện tích 3.494 m²): Đang xem xét lập phương án đầu tư.

2.3/ Hoạt động đầu tư tài chính:

Công ty đã thực hiện sang nhượng toàn bộ Cổ phần của Công ty Cổ phần Sonadezi Châu Đức cho Công ty Cổ phần Sonadezi Long Thành thu hồi vốn về được 9,8 tỷ đồng để cấp vốn thi công các công trình. Hiện Công ty Sonadezi Long Thành đã trả trước đợt 1 cho Công ty được 4,9 tỷ đồng.

Kết quả đầu tư chứng khoán đến nay như sau:

STT	Tên công ty	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ cổ tức	Số cổ tức đã nhận (triệu đồng)
1	Công ty CP Dịch vụ Sonadezi	100.000	15%	150

- Kết quả đầu tư vào cổ phiếu của Công ty Cổ phần Sonadezi Dịch vụ trong năm 2013 với cổ tức được chia là 150.000.000 (15 %). Tuy nhiên, phải đợi đến cuối tháng 02/2014 Công ty Sonadezi Dịch vụ mới chi trả cổ tức.

2. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài sản: Tình hình tài sản Công ty tại ngày 31/12/2013:

STT	Chỉ tiêu	Ngày 31/12/2012	Ngày 31/12/2013	(%) So sánh 2013/2012
A	TÀI SẢN NGẮN HẠN	223.717.240.567	284.987.745.565	127,39
I.	Tiền và các khoản tương đương tiền	20.771.423.784	29.433.719.730	141,70
II.	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	-	10.000.000.000	
III.	Các khoản phải thu ngắn hạn	166.588.724.048	192.958.560.186	115,83
IV.	Hàng tồn kho	35.441.207.773	48.348.904.852	136,42
V.	Tài sản ngắn hạn khác	915.884.962	4.246.560.797	463,66
B	TÀI SẢN DÀI HẠN	36.436.272.265	55.149.771.601	151,36
I.	Các khoản phải thu dài hạn	-	176.596.373	

II.	Tài sản cố định	25.507.633.601	53.540.105.603	209,90
III.	Bất động sản đầu tư	-	-	
IV.	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	10.800.000.000	1.000.000.000	9,26
V.	Tài sản dài hạn khác	128.638.664	433.069.625	336,66
TỔNG CỘNG TÀI SẢN		260.153.512.832	340.137.517.166	130,74
A	NỢ PHẢI TRẢ	210.817.640.393	291.319.968.433	138,19
I.	Nợ ngắn hạn	109.703.640.393	143.784.282.805	131,07
II.	Nợ dài hạn	101.114.000.000	147.535.685.628	145,91%
B	NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	49.335.872.439	48.817.548.733	98,95%
I.	Vốn chủ sở hữu	49.335.872.439	48.817.548.733	98,95%
II.	Nguồn kinh phí và quỹ khác			
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		260.153.512.832	340.137.517.166	130,74%

a. Tình hình tài sản:

Tài sản ngắn hạn tăng 27,39% so với năm 2012 cụ thể:

+ Tiền và các khoản tương đương tiền tăng 41,7% do tại thời điểm cuối năm Công ty thu được tiền thi công của các công trình.

+ Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn tăng 10 tỷ đồng. Đây là khoản tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng của Ban QLDA KCN Thạnh phú.

+ Các khoản phải thu tăng 15,83% tương đương tăng 26,3 tỷ đồng do trong năm Công ty chi trả tiền đền bù dự án KCN Thạnh phú 13,8 tỷ, đền bù mỏ đá Tân Cang 4,1 tỷ và khoản thu từ các công trình trong năm tăng 5,4 tỷ (riêng khoản phải thu từ bán Bê tông nhựa nóng là 5,1 tỷ).

+ Hàng tồn kho trong năm tăng 36,42% tương đương tăng 12,9 tỷ đồng chủ yếu là do các công trình công ty thi công chưa được chủ đầu tư nghiệm thu từng giai đoạn.

+ Tài sản ngắn hạn khác tăng 363,66% tương đương tăng 3,3 tỷ đồng chủ yếu là khoản thuế giá trị gia tăng công ty còn được khấu trừ.

+ Tài sản dài hạn tăng 51,36% tương đương tăng 18 tỷ đồng do trong năm công ty đầu tư mới trạm trộn Bê tông nhựa nóng làm giá trị tài sản cố định tăng lên 14,5 tỷ đồng, chi phí xây dựng cơ bản dở dang của KCN Thạnh Phú tăng 8,2 tỷ đồng, mỏ cát Đắc Lua tăng 3 tỷ đồng, mỏ đá Tân Cang 4 tăng 2,3 tỷ đồng, giảm khoản đầu tư vào Công ty cổ phần Sonadezi Châu Đức là 9,8 tỷ đồng và phần còn lại do tăng các tài sản dài hạn khác.

b. Tình hình nợ phải trả:

Nợ ngắn hạn trong năm tăng 31,07% là do:

+ Trong năm công ty tăng hạn mức vay tại ngân hàng BIDV chi nhánh Đồng Nai (từ 30 tỷ lên 60 tỷ đồng); lãi suất vay vốn 10%/năm.

+ Phải trả người bán tăng 45,92% tương đương tăng 20,3 tỷ đồng.

+ Người mua trả tiền trước giảm 16,6 tỷ đồng chủ yếu là do tiền nhận trước của Công ty TNHH Chang Shin Việt Nam chuyển sang doanh thu chưa thực hiện khi ký kết hợp đồng là 14,8 tỷ đồng.

+ Còn lại chủ yếu là các khoản tăng khác.

Nợ dài hạn trong năm tăng 45,91% tương đương tăng 46,4 tỷ đồng chủ yếu là do trong năm công ty tăng khoản doanh thu chưa thực hiện của Công ty TNHH Chang Shin Việt Nam là 38,8 tỷ đồng, vay dài hạn thực hiện mỏ đá Tân Cang là 6,3 tỷ đồng, vay dài hạn KCN Thanh Phú là 1,3 tỷ đồng.

3. *Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý*
4. *Kế hoạch phát triển trong tương lai*
5. *Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán.*

Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty chưa thực hiện trích lập đủ khoản dự phòng đối với khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán theo thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 7 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài Chính, số dự phòng ước tính cần trích lập được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh tế làm cho lợi nhuận kế toán trước thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh sẽ giảm đi một khoản là 666.550.887 VND

Ban Tổng Giám đốc ghi nhận ý kiến kiểm toán độc lập, bên cạnh đó công ty cũng nhận được sự chỉ đạo của UBND tỉnh Đồng Nai và Sở tài chính chỉ đạo các đơn vị liên quan đang nợ công ty khẩn trương thanh toán các khoản nợ tồn đọng dứt điểm trong năm 2014.

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

1. *Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty.*
2. *Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty.*

Nhìn chung, Tổng giám đốc đã tổ chức thực hiện đầy đủ các nội dung của Nghị quyết Hội đồng quản trị. Kết quả cụ thể như sau:

1./ Về điều hành sản xuất kinh doanh và thực hiện các dự án:

- Tổng giám đốc đã tổ chức thực hiện và đạt được kết quả như đã trình bày ở trên;
- Trong năm 2013, cùng với sự chỉ đạo và giúp đỡ của UBND tỉnh Đồng Nai, Tổng công ty Sonadezi và các sở/ngành có liên quan, Công ty thu hồi được nợ, số tiền 16,9 tỷ đồng và được tăng hạn mức vay lên 60 tỷ đồng để thực hiện các công trình trọng điểm;
- Đã thực hiện rà soát, kiểm tra những máy móc thiết bị, phương tiện vận chuyển hư hỏng, hết niên hạn sử dụng hoặc sử dụng không hiệu quả để thanh lý và đã trang bị mới, sửa chữa, nâng cấp những máy móc thiết bị đang sử dụng để nâng cao hiệu suất sử dụng;
- Tiếp tục điều chỉnh định mức tiêu hao nhiên liệu đối với xe công vụ, khoán xăng công tác cho CB-NV và khoán chi phí điện thoại... để tiết kiệm chi phí quản lý;
- Rà soát, điều chỉnh mức khoán theo từng công trình.

2./ Về công tác tổ chức nhân sự - Bộ máy hoạt động của Công ty.

- Đã tổ chức, phân công lại thành viên Ban Tổng Giám đốc (do Ông Tăng Xuân Hưng - phó Tổng giám đốc kiêm giám đốc XN bê tông nhựa nóng Đắk Nông từ ngày 01/11/2013), bổ nhiệm lại các chức danh quản lý;
- Thực hiện chương trình tái cấu trúc Công ty, về tổ chức, nhân sự và nâng cao năng lực sản xuất đã thực hiện các nội dung sau:
 - + Sắp xếp lại các phòng/ ban chuyên môn cho phù hợp với điều kiện thực tế;

- + Thành lập mới 01 XN bê tông nhựa nóng Đăk Nông;
- + Tiếp tục hoàn chỉnh hệ thống quản lý tổng thể, bao gồm việc thiết lập và xem xét điều chỉnh nội quy, các quy chế, quy định, thủ tục, biểu mẫu ...
- + Duy trì họp giao ban giữa tháng (Ban TGD và các trưởng phòng/ban); hàng tháng (Ban Tổng giám đốc, các trưởng, phó phòng/ban/đội thi công);
- Công tác phát triển nguồn nhân lực: trong năm 2013 đã cử tham dự các khóa đào tạo Giám đốc tài chính: 01 người, khóa Giám đốc điều hành: 06 người, lớp quản trị công ty: 05 người và lớp tập huấn vật liệu nổ công nghiệp: 02 người, tổng số kinh phí cho đào tạo là 94 triệu đồng; Tuyển mới 11 lao động, trong đó: thạc sỹ: 01; đại học 05 người; trung cấp 01 người; công nhân kỹ thuật 04 người để bổ sung và thay thế cho lực lượng lao động của Công ty;
- Tổng số lao động của công ty đến ngày 31/12/2013 là 124 người (16 nữ); Trong đó:
 - + Trình độ Cao học : 05 người,
 - + Trình độ Đại học : 42 người,
 - + Trình độ Cao đẳng : 02 người,
 - + Trình độ Trung cấp : 10 người,
 - + Công nhân kỹ thuật : 53 người,
 - + Trình độ Sơ cấp : 12 người.
- Các tổ chức chính trị, đoàn thể đều được tạo điều kiện hoạt động theo quy định.

3./ Về công tác quản trị tài chính:

- Rà soát các khoản nợ tồn đọng, các công trình chưa nghiệm thu, quyết toán phân công cụ thể từng cá nhân phụ trách thực hiện. Đến nay đã xử lý được như sau:
 - + Các khoản nợ trước cổ phần hóa: 1.738.176.724 đồng
 - + Các khoản cắt giảm do quyết toán các công trình hoàn thành trước cổ phần hóa: 663.656.770 đồng
 - + Các khoản nợ bảo hành công trình đã quá hạn: 1.836.393.090 đồng

Lập kế hoạch cân đối các khoản thu – chi từng tháng để chủ động trong điều hành, đảm bảo vốn cho việc thực hiện các dự án và vốn lưu động cho sản xuất, kinh doanh.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

Trong bối cảnh chung của nền kinh tế và năng lực của công ty hiện nay, Hội đồng quản trị đề ra kế hoạch hoạt động trong năm 2014 như sau:

1./ Thực hiện quản trị, giám sát chặt chẽ việc điều hành công tác thi công xây lắp, đảm bảo an toàn, chất lượng và tiết kiệm để có hiệu quả trong mỗi công trình; chú trọng chỉ đạo công tác tìm kiếm các công trình có giá trị lớn từ trên 50 tỷ đồng trở lên, công tác làm hồ sơ thanh toán và quyết toán công trình.

2./ Thực hiện quản trị, giám sát, thúc đẩy việc triển khai thực hiện các dự án trọng điểm của Công ty. Mục tiêu trong năm 2014 dự án KCN Thạnh Phú cơ bản xây dựng hạ tầng các tuyến chính và có doanh thu về hạ tầng, mỏ cát Đắc Lua hoạt động khai thác ổn định và mỏ đá Tân Cang 4 phải có sản phẩm và có doanh thu. Tìm kiếm đối tác khai thác, sử dụng có hiệu quả các khu đất công ty đang quản lý.

3./ Tăng vốn điều lệ Công ty từ 24 tỷ 810 triệu đồng lên 99 tỷ 430 triệu đồng bằng phát hành bán cổ phiếu ra công chúng.

5./ Thực hiện tái cấu trúc công ty và nâng cao năng lực sản xuất theo đề án của Tổng Công ty đã được UBND tỉnh và bộ Tài Chính chấp thuận.

6./ Về các chỉ tiêu kế hoạch năm 2014:

Về các chỉ tiêu kế hoạch năm 2014:

Stt	CHỈ TIÊU	ĐVT	K.hoạch năm 2014 trình đại hội
1	Tổng sản lượng		225.000
2	Tổng Doanh thu	Tr.đ	204.575
	+ Doanh thu xây lắp		145.500
	+ Doanh thu dự án KCN Thạnh Phú		3.600
	+ Doanh thu mỏ đá		2.000
	+ Doanh thu mỏ cát		3.200
	+ Doanh thu XN bê tông nhựa nóng Đăk Nông		38.182
	+ Doanh thu cho thuê Bến thủy nội địa, sân bãi		993
	+ Doanh thu cho thuê xe		5.450
	+ Doanh tài chính + lãi ứng vốn thi công		4.000
	+ Doanh tài chính và thu khác		1.650
2	Lợi nhuận trước thuế TNDN	Tr.đ	4.200
3	Tỷ lệ cổ tức trên vốn Điều lệ	%	chờ ý kiến Đại hội đồng cổ đông

Biện pháp thực hiện:

Hội đồng quản trị xác định trong năm 2014 Công ty vẫn tiếp tục gặp khó khăn về việc làm mới và đặc biệt là khó khăn về vốn, bao gồm cả vốn đầu tư thực hiện các dự án và vốn lưu động cho sản xuất kinh doanh.

Trong điều kiện hạn chế tối đa đầu tư công về lĩnh vực giao thông của tỉnh Đồng Nai năm 2014, Hội đồng quản trị chỉ đạo tìm kiếm thêm các khách hàng mới là các đơn vị kinh doanh hạ tầng, các doanh nghiệp khác, thận trọng tìm kiếm việc làm tại các tỉnh/thành khác, các dự án xây dựng các Quốc lộ của Chính Phủ có giá trị cao để giảm bớt sự phụ thuộc vào nguồn vốn ngân sách Nhà nước địa phương tỉnh Đồng Nai và tăng trưởng sản xuất trong kinh doanh.

Đối với các dự án đầu tư của Công ty, Hội đồng quản trị xác định việc đẩy mạnh thực hiện các dự án sẽ tạo điều kiện phát triển bền vững cho công ty, tạo thêm doanh thu và thu nhập, đáp ứng được kỳ vọng về cổ tức cho cổ đông. Hội đồng quản trị sẽ chỉ đạo ưu tiên thực hiện những dự án sớm mang lại doanh thu cho Công ty và tìm kiếm đối tác thực hiện hợp tác kinh doanh khai thác mỏ đá Tân Cang 4, góp phần làm giảm áp lực về vốn đầu tư và tiêu thụ sản phẩm đối với dự án này.

Hội đồng quản trị sẽ phân công lại nhiệm vụ từng thành viên Hội đồng quản trị. Mỗi thành viên chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị về việc kiểm soát và thúc đẩy lĩnh vực được phân công phụ trách theo Nghị quyết của HĐQT.

V. Quản trị công ty (Tổ chức chào bán trái phiếu ra công chúng hoặc niêm yết trái phiếu không phải là công ty đại chúng không bắt buộc phải công bố các thông tin tại Mục này).

1. Hội đồng quản trị

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

Stt	Họ tên	Số lượng CP	Vai trò thành viên	Ghi chú
1	Bì Long Sơn	464.550	Ban điều hành	Là Đại diện vốn D/nghiệp tại Công ty
2	Nguyễn Hữu Hạnh	421.770	Ban điều hành	Là Đại diện vốn D/nghiệp tại Công ty
3	Trần Hương Quảng	322.530	Không điều hành	Là Đại diện vốn D/nghiệp tại Công ty
4	Phan Quốc Anh	100.000	Không điều hành	Sở hữu cá nhân

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: (Liệt kê các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị và thành viên trong từng tiểu ban). Không có.

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị:

Trong năm 2013, Hội đồng quản trị tổ chức 04 cuộc họp định kỳ như sau:

- Họp ngày 21/3/2013:

Nội dung:

- + Báo cáo của Tổng giám đốc kết quả sản xuất kinh doanh năm 2012; kế hoạch Quý I và cả năm 2013;
- + Thông qua Quyết định về việc phê duyệt dự án đầu tư khai thác cát xây dựng sông Đồng Nai, xã Đắc Lua, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai;
- + Thông qua Quyết định về việc phê duyệt điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng công trình Đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp Thạnh Phú, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai.
- + Báo cáo nội dung Quyết định về việc bổ sung chức năng nhiệm vụ của Phòng Kinh doanh, thành lập Phòng Kỹ thuật Thi công của Công ty;
- + Báo cáo kết quả thanh lý các tài sản cố định của Công ty;
- + Công tác chuẩn bị Đại hội đồng cổ đông thường niên 2013;
- + Bổ sung nhân sự thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ II (2011 – 2015);
- + Thông qua bổ sung ngành nghề kinh doanh trình thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên 2013;
- + Thông qua lương của Tổng Giám đốc và các Phó Tổng Giám đốc;
- + Một số nội dung khác.

Kết quả: Hội đồng quản trị ra nghị quyết giao Ban Điều hành thực hiện các nội dung nêu trên.

- Họp ngày 26/6/2013;

Nội dung:

- + Phân công công việc thành viên Hội đồng quản trị;
- + Thông qua Tờ trình bổ nhiệm Phó Tổng Giám đốc phụ trách Kỹ thuật;
- + Thông qua chủ trương thành lập Chi nhánh Kinh doanh Cát – Vật liệu xây dựng của mỏ cát Đắc Lua;

Kết quả: Hội đồng quản trị ra nghị quyết giao Ban Điều hành thực hiện các nội dung nêu trên.

- Họp ngày 15/7/2013;

Nội dung:

- + Báo cáo của Tổng Giám đốc về kết quả sản xuất kinh doanh Quý II, kế hoạch kinh doanh Quý III năm 2013;
- + Thông qua chủ trương đầu tư trạm trộn Bê tông nhựa nóng tại tỉnh Đắk Nông;
- + Báo cáo tình hình thanh lý tài sản cố định của Công ty;

Kết quả: Hội đồng quản trị ra nghị quyết giao Ban Điều hành thực hiện các nội dung nêu trên.

- Họp ngày 18/10/2013;

Nội dung:

- + Báo cáo của Tổng Giám đốc về kết quả sản xuất kinh doanh Quý II, kế hoạch kinh doanh Quý III năm 2013;
- + Thông qua chủ trương đầu tư trạm trộn Bê tông nhựa nóng tại tỉnh Đắk Nông;
- + Báo cáo tình hình thanh lý tài sản cố định của Công ty;

Kết quả: Hội đồng quản trị ra nghị quyết giao Ban Điều hành thực hiện các nội dung nêu trên.

- d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành.
- e) Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị: (đánh giá hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp của từng tiểu ban, nội dung và kết quả của các cuộc họp). Không có
- f) Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm.

2. Ban Kiểm soát

- a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát: (danh sách thành viên Ban kiểm soát, tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành).
- b) Hoạt động của Ban kiểm soát: (đánh giá hoạt động của Ban kiểm soát, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp của Ban kiểm soát, nội dung và kết quả của các cuộc họp).

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

- a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:

Thù lao thành viên Hội đồng quản trị:

- Chủ tịch Hội đồng quản trị 1.500.000 đồng/tháng (18.000.000 đồng/người/năm);
- Thành viên HĐQT 1.000.000 đồng/người/ tháng (12.000.000 đồng/ người/ năm.

Thù lao Ban kiểm soát:

- Trưởng ban Kiểm soát 1.000.000 đồng/ tháng (12.000.000 đồng/ người/năm);
- Thành viên Ban kiểm soát 800.000 đồng/người/tháng (9.600.000 đồng/ người/năm)

- b) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: Không có.

- c) Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: Không có.

d) Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty: (Nêu rõ những nội dung chưa thực hiện được theo quy định của pháp luật về quản trị công ty. Nguyên nhân, giải pháp và kế hoạch khắc phục/kế hoạch tăng cường hiệu quả trong hoạt động quản trị công ty).

VI. Báo cáo tài chính

1. *Ý kiến kiểm toán:* Theo ý kiến của Chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. *Báo cáo tài chính được kiểm toán* (Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán bao gồm): Bảng cân đối kế toán; Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh; Báo cáo lưu chuyển tiền tệ; Bản thuyết minh Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật về kế toán và kiểm toán.

SONADEZI	
CÔNG VĂN ĐẾN	Số:.....
	Ngày: <u>18/3/2014</u>
	Chuyển:.....
	Lưu HS số:.....

CHI CỤC TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP ĐỒNG NAI	
ĐẾN	Số:.....
	Ngày: <u>18/3/2014</u>
	Chuyển:.....

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG ĐỒNG NAI

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG ĐỒNG NAI

Số 200 Đường Nguyễn Ái Quốc, Phường Trảng Dài, Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai

MỤC LỤC

	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 4
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	5 - 6
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	7 - 8
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	9
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	10
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	11 - 33

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG ĐỒNG NAI

Số 200 Đường Nguyễn Ái Quốc, Phường Trảng Dài, Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Công trình Giao thông Đồng Nai (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 đã được kiểm toán.

KHÁI QUÁT VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Công trình Giao thông Đồng Nai là doanh nghiệp nhà nước được cổ phần hoá từ Công ty Công trình Giao thông Vận tải Đồng Nai theo Quyết định số 2935/QĐ-UBND ngày 16 tháng 8 năm 2005 của Chủ tịch Ủy ban Nhân dân Tỉnh Đồng Nai. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4703000296 ngày 30 tháng 12 năm 2005 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp.

Cho đến thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2013, Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp đến Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3600259916 đăng ký thay đổi lần thứ tám vào ngày 10 tháng 6 năm 2013.

- **Vốn pháp định** : 6.000.000.000 VND
- **Vốn điều lệ** : 24.810.000.000 VND

Cơ cấu vốn điều lệ như sau:

Stt	Tên cổ đông	Địa chỉ	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VND)	Tỷ lệ (%)
1	Tổng Công ty Phát triển Khu công nghiệp	Số 1 Đường số 1, KCN Biên Hoà 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai	1.581.000	15.810.000.000	63,72
2	Ông Phan Quốc Anh	Số 12 E Phan Đình Phùng, Phường Quang Vinh, Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai	100.000	1.000.000.000	4,03
3	Vốn cán bộ CNV		15.000	150.000.000	0,60
4	Các cổ đông khác		785.000	7.850.000.000	31,65
	Cộng		2.481.000	24.810.000.000	100,00

- **Trụ sở hoạt động chính**

Địa chỉ : Số 200 Đường Nguyễn Ái Quốc, Phường Trảng Dài, Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai

Điện thoại : (84-613) 899 860

Fax : (84-613) 899 750

Mã số thuế : **3 6 0 0 2 5 9 9 1 6**

- **Ngành, nghề kinh doanh**

Khảo sát, thiết kế, lập tổng dự toán, dự toán các công trình giao thông, dân dụng, công nghiệp; Đầu tư kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp; Kinh doanh nhà; Hợp đồng Xây dựng – kinh doanh – Chuyển giao (BOT); Cho thuê nhà xưởng, kho bãi; Kinh doanh xăng, dầu, nhớt (theo quy hoạch mạng lưới xăng dầu đã được UBND tỉnh phê duyệt); Sản xuất, kinh doanh bê tông nhựa nóng và các cấu kiện bê tông đúc sẵn; Chế biến đá; Nạo vét kênh rạch; Chuẩn bị mặt bằng; Hoàn thiện công trình xây dựng; Dịch vụ lưu trú ngắn ngày; Kho bãi và lưu giữ hàng hoá; Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh; Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí; Xây dựng nhà các loại; Phá dỡ; Lắp đặt hệ thống xây dựng khác; Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác; Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (không bao gồm quán bar, không hoạt động tại trụ sở); Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác; Sản xuất gạch, ngói bằng lo nung tuy nê; Kinh doanh khu

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG ĐỒNG NAI

Số 200 Đường Nguyễn Ái Quốc, Phường Trảng Dài, Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

vui chơi, giải trí; Xây dựng các công trình đường sắt và đường bộ; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ; Vận tải hàng hoá thủy nội địa; Xây dựng công trình công ích; Bán buôn vật liệu xây dựng; Vận tải hàng hoá bằng đường bộ; Khai thác và thu gom than bùn (hoạt động khi có giấy phép); Lắp đặt hệ thống điện; Hoạt động tư vấn quản lý; Khai thác vật liệu xây dựng; Thu gom rác thải độc hại; Xử lý và tiêu huỷ rác thải độc hại; Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác; Thu gom rác thải không độc hại; Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy nội địa; Bốc xếp hàng hoá; Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng công trình (không chứa hàng tại trụ sở).

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN ĐIỀU HÀNH, QUẢN LÝ

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý Công ty trong năm và đến thời điểm lập Báo cáo này bao gồm:

Họ và tên

Chức vụ

Hội đồng quản trị

Ông Bì Long Sơn	Chủ tịch
Ông Nguyễn Hữu Hạnh	Thành viên
Ông Phan Quốc Anh	Thành viên
Ông Trần Hướng Quảng	Thành viên

Ban kiểm soát

Bà Phạm Thị Hồng	Trưởng ban
Ông Trịnh Văn Ba	Thành viên
Bà Trương Thị Nhung	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Bì Long Sơn	Tổng Giám đốc
Ông Đoàn Quang Nho	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đặng Thành Long	Phó Tổng Giám đốc
Ông Tăng Xuân Hưng	Phó Tổng Giám đốc

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính đính kèm Báo cáo này (từ trang 6 đến trang 31).

SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào khác phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2013 cho đến thời điểm lập báo cáo mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán - Tư vấn Đất Việt (Vietland) đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Vietland bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định là Kiểm toán viên độc lập của Công ty.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc Công ty cần phải:

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG ĐỒNG NAI

Số 200 Đường Nguyễn Ái Quốc, Phường Trảng Dài, Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Công bố các Chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính; các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



BÌ LONG SƠN

Tổng Giám đốc

Đồng Nai, ngày 15 tháng 03 năm 2014

Số: 0067/2014/BCTC-KTV

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: QUÝ CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG ĐỒNG NAI**

Báo cáo kiểm toán về Báo cáo tài chính

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Công trình Giao thông Đồng Nai gồm: Bảng cân đối kế toán tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2013, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, được lập ngày 15 tháng 03 năm 2014, từ trang 06 đến trang 31 kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Ban Tổng Giám đốc theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của Chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu Chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà Chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của Chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty chưa thực hiện trích lập đủ khoản dự phòng đối với khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán theo thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 7 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài Chính, số dự phòng ước tính cần trích lập được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh sẽ làm cho lợi nhuận kế toán trước thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh sẽ giảm đi một khoản là 666.550.887 VND.

Ý kiến của kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của Chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Báo cáo được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh có giá trị như nhau. Bản tiếng Việt là bản gốc khi cần đối chiếu.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 03 năm 2014

Công ty TNHH Kiểm toán - Tư vấn Đất Việt



VÕ THẾ HOÀNG - Giám đốc điều hành
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0484-2013-037-1

VĂN NAM HẢI - Kiểm toán viên
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0832-2013-037-1

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu Vietland

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG ĐỒNG NAI

Số 200 Đường Nguyễn Ái Quốc, Phường Trảng Dài, Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Mẫu B 01-DN

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		284.987.745.565	223.717.240.567
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	29.433.719.730	20.771.423.784
1. Tiền	111		21.733.719.730	5.671.423.784
2. Các khoản tương đương tiền	112		7.700.000.000	15.100.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		10.000.000.000	-
Đầu tư ngắn hạn	121	V.2	10.000.000.000	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		192.958.560.186	166.588.724.048
1. Phải thu khách hàng	131		73.241.327.151	69.053.135.007
2. Trả trước cho người bán	132	V.4	11.461.134.066	10.279.873.120
3. Các khoản phải thu khác	135	V.5	108.363.126.517	87.422.356.847
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	V.3	(107.027.548)	(166.640.926)
IV. Hàng tồn kho	140		48.348.904.852	35.441.207.773
Hàng tồn kho	141	V.6	48.348.904.852	35.441.207.773
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		4.246.560.797	915.884.962
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.7	95.933.985	109.306.473
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		3.482.114.240	413.779.369
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		6.705.750	39.190.383
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.8	661.806.822	353.608.737
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		55.149.771.601	36.436.272.265
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		176.596.373	-
Phải thu dài hạn khác	218	V.9	176.596.373	-
II. Tài sản cố định	220		53.540.105.603	25.507.633.601
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	19.008.345.272	4.507.019.790
Nguyên giá	222		27.568.615.598	13.050.684.731
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(8.560.270.326)	(8.543.664.941)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.11	279.720.000	279.720.000
Nguyên giá	228		279.720.000	279.720.000
Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.12	34.252.040.331	20.720.893.811
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		1.000.000.000	10.800.000.000
Đầu tư dài hạn khác	258	V.13	1.000.000.000	10.800.000.000
V. Tài sản dài hạn khác	260		433.069.625	128.638.664
Chi phí trả trước dài hạn	261	V.14	433.069.625	128.638.664
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		340.137.517.166	260.153.512.832

Báo cáo này là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính và phải được đọc kèm với Thuyết minh Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG ĐỒNG NAI

Số 200 Đường Nguyễn Ái Quốc, Phường Trảng Dài, Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		291.319.968.433	210.817.640.393
I. Nợ ngắn hạn	310		143.784.282.805	109.703.640.393
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.15	59.792.549.210	30.302.459.641
2. Phải trả người bán	312	V.16	64.616.867.164	44.280.577.141
3. Người mua trả tiền trước	313	V.17	1.749.255.775	18.345.471.421
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.18	231.716.813	42.765.748
5. Phải trả người lao động	315		1.303.312.026	1.111.689.518
6. Chi phí phải trả	316		25.000.000	351.867.724
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.19	16.185.409.253	15.174.322.212
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.20	(119.827.436)	94.486.988
II. Nợ dài hạn	330		147.535.685.628	101.114.000.000
1. Phải trả dài hạn khác	333	V.21	90.000.000.000	90.000.000.000
2. Vay và nợ dài hạn	334	V.22	18.666.000.000	11.114.000.000
3. Doanh thu chưa thực hiện	338	V.23	38.869.685.628	-
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		48.817.548.733	49.335.872.439
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.24	48.817.548.733	49.335.872.439
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		24.810.000.000	24.810.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	417		19.978.758.024	19.978.758.024
3. Quỹ dự phòng tài chính	418		1.160.642.664	1.160.642.664
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		2.868.148.045	3.386.471.751
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		340.137.517.166	260.153.512.832

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
Nợ khó đòi đã xử lý		3.528.118	-



Đồng Nai, ngày 15 tháng 03 năm 2014

BÌ LONG SON
 Tổng Giám đốc

PHẠM TRẦN HƯNG THỊNH
 Kế toán trưởng

HOÀNG THỊ THANH LIÊN
 Người lập biểu

Báo cáo này là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính và phải được đọc kèm với Thuyết minh Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG ĐỒNG NAI

Số 200 Đường Nguyễn Ái Quốc, Phường Trảng Dài, Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2013

Mẫu B 02-DN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	155.294.184.389	120.903.874.664
2 Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		155.294.184.389	120.903.874.664
4 Giá vốn hàng bán	11	VI.2	145.938.574.769	112.594.849.580
5 Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		9.355.609.620	8.309.025.084
6 Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	4.172.847.449	4.497.570.688
7 Chi phí tài chính	22		4.774.851.014	3.572.086.838
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		4.774.851.014	3.572.086.838
8 Chi phí bán hàng	24	VI.4	36.360.925	147.145.269
9 Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.5	8.033.110.898	8.557.982.484
10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		684.134.232	529.381.181
11 Thu nhập khác	31		649.575.171	920.235.889
12 Chi phí khác	32		152.009.354	545.875.121
13 Lợi nhuận khác	40	VI.6	497.565.817	374.360.768
14 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		1.181.700.049	903.741.949
15 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.7	316.176.145	36.303.031
16 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	8.899.919
17 Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		865.523.904	858.538.999
18 Lãi cơ bản trên cổ phiếu		VI.8	347	381

Đồng Nai, ngày 15 tháng 03 năm 2014



BỈ LONG SƠN
Tổng Giám đốc

PHẠM TRẦN HÙNG THỊNH
Kế toán trưởng

HOÀNG THỊ THANH LIÊN
Người lập biểu

Báo cáo này là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính và phải được đọc kèm với Thuyết minh Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG ĐỒNG NAI

Số 200 Đường Nguyễn Ái Quốc, Phường Trảng Dài, Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2013

Mẫu B 03-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
Lợi nhuận trước thuế	01		1.181.700.049	903.741.949
Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định	02		1.007.742.333	960.296.473
- Các khoản dự phòng	03		(59.613.378)	20.514.000
- Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(4.804.865.631)	(2.728.683.878)
- Chi phí lãi vay	06		4.774.851.014	3.572.086.838
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		2.099.814.387	2.727.955.382
- Giảm/(tăng) các khoản phải thu	09		(29.830.867.456)	(57.321.757.711)
- Giảm hàng tồn kho	10		(12.907.697.079)	3.910.952.993
- Tăng các khoản phải trả (không kể thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		43.011.419.972	22.182.219.234
- Giảm chi phí trả trước	12		(243.174.837)	282.783.323
- Tiền lãi vay đã trả	13		(4.774.851.014)	(3.572.086.838)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(57.851.781)	-
- Tiền thu khác cho hoạt động kinh doanh	15		249.878.995	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		-	(74.219.998)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(2.453.328.813)	(31.864.153.615)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
- Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(28.897.603.836)	(6.571.296.760)
- Tiền thu do thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		632.018.182	154.545.454
- Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(10.000.000.000)	-
- Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		9.800.000.000	-
- Tiền thu lãi tiền gửi, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		4.172.847.449	3.111.252.413
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(24.292.738.205)	(3.305.498.893)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
- Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		115.781.615.228	52.363.982.695
- Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(78.739.525.659)	(37.380.875.230)
- Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(1.633.726.605)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		35.408.362.964	14.983.107.465
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		8.662.295.946	(20.186.545.043)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		20.771.423.784	40.957.968.827
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	29.433.719.730	20.771.423.784

Đồng Nai, ngày 13 tháng 03 năm 2014

BÌ LONG SƠN
Tổng Giám đốcPHẠM TRẦN HƯNG THỊNH
Kế toán trưởngHOÀNG THỊ THANH LIÊN
Người lập biểu

Báo cáo này là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính và phải được đọc kèm với Thuyết minh Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG ĐỒNG NAI

Số 200 Đường Nguyễn Ái Quốc, Phường Trảng Dài, Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2013

Mẫu B 09-DN

Bản Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc kèm với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 của Công ty Cổ phần Công trình Giao thông Đồng Nai (gọi tắt là "Công ty").

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

- 1. Hình thức sở hữu vốn** : Công ty Cổ phần
- 2. Lĩnh vực kinh doanh** : Xây dựng, kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp
- 3. Ngành, nghề kinh doanh:**

Khảo sát, thiết kế, lập tổng dự toán, dự toán các công trình giao thông, dân dụng, công nghiệp; Đầu tư kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp; Kinh doanh nhà; Hợp đồng Xây dựng – kinh doanh – Chuyển giao (BOT); Cho thuê nhà xưởng, kho bãi; Kinh doanh xăng, dầu, nhớt (theo quy hoạch mạng lưới xăng dầu đã được UBND tỉnh phê duyệt); Sản xuất, kinh doanh bê tông nhựa nóng và các cấu kiện bê tông đúc sẵn; Chế biến đá; Nạo vét kênh rạch; Chuẩn bị mặt bằng; Hoàn thiện công trình xây dựng; Dịch vụ lưu trú ngắn ngày; Kho bãi và lưu giữ hàng hoá; Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh; Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí; Xây dựng nhà các loại; Phá dỡ; Lắp đặt hệ thống xây dựng khác; Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác; Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (không bao gồm quán bar, không hoạt động tại trụ sở); Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác; Sản xuất gạch, ngói bằng lo nung tuynen; Kinh doanh khu vui chơi, giải trí; Xây dựng các công trình đường sắt và đường bộ; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ; Vận tải hàng hoá thủy nội địa; Xây dựng công trình công ích; Bán buôn vật liệu xây dựng; Vận tải hàng hoá bằng đường bộ; Khai thác và thu gom than bùn (hoạt động khi có giấy phép); Lắp đặt hệ thống điện; Hoạt động tư vấn quản lý; Khai thác vật liệu xây dựng; Thu gom rác thải độc hại; Xử lý và tiêu huỷ rác thải độc hại; Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác; Thu gom rác thải không độc hại; Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy nội địa; Bốc xếp hàng hoá; Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng công trình (không chứa hàng tại trụ sở).

4. Nhân viên

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 128 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 124 người).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013 là năm tài chính thứ 7 của Công ty hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần.

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG ĐỒNG NAI

Số 200 Đường Nguyễn Ái Quốc, Phường Trảng Dài, Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán và nguyên tắc, phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND).

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá tại ngày giao dịch. Tại thời điểm cuối năm các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ tại thời điểm cuối năm được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho chủ sở hữu.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính, các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán nhật ký chung.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

2. Các thay đổi chính sách kế toán và áp dụng hướng dẫn kế toán mới

Các chính sách kế toán của Công ty sử dụng để lập Báo cáo tài chính được áp dụng nhất quán với các chính sách kế toán đã được áp dụng để lập Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013, ngoại trừ chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định được thực hiện theo Thông tư 45/2013/TT-BTC của Bộ tài chính ban hành ngày 24 tháng 04 năm 2013 có hiệu lực từ ngày 10 tháng 06 năm 2013, thay thế thông tư 203/TT-BTC của Bộ tài chính ngày 29 tháng 10 năm 2009.

Việc áp dụng các chuẩn mực kế toán mới này không ảnh hưởng trọng yếu đến các số liệu trình bày trong Báo cáo tài chính kỳ này và các kỳ kế toán trước của Công ty.

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG ĐỒNG NAI

Số 200 Đường Nguyễn Ái Quốc, Phường Trảng Dài, Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

3. Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc niên độ kế toán cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Số liệu phát sinh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp cho mục đích thuyết minh trong Báo cáo tài chính bao gồm các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty gồm các khoản tiền, đầu tư ngắn hạn, phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính được phân loại một cách phù hợp cho mục đích thuyết minh trong Báo cáo tài chính bao gồm các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm phải trả người bán, chi phí phải trả và các khoản phải trả khác.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau khi ghi nhận ban đầu.

5. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

6. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7 tháng 12 năm 2009. Dự phòng phải thu khó

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG ĐỒNG NAI

Số 200 Đường Nguyễn Ái Quốc, Phường Trảng Dài, Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

đòi được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm trên khoản mục “Chi phí quản lý doanh nghiệp”.

7. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

8. Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được xác định theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, phù hợp với hướng dẫn theo Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2009 của Bộ Trưởng Bộ Tài chính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	4 - 31
Máy móc thiết bị	2 - 9
Phương tiện vận tải	2 - 7
Thiết bị văn phòng	2 - 5

9. Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình của Công ty thể hiện quyền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế đã chi ra có liên quan trực tiếp đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,... Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn nên không tính khấu hao.

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang thể hiện chi phí xây dựng cơ bản các công trình, tài sản và chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định chưa hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ.

Chi phí xây dựng cơ bản các công trình, tài sản

Chi phí xây dựng cơ bản các công trình, tài sản bao gồm toàn bộ chi phí cần thiết để xây dựng mới, hoặc cải tạo, nâng cấp, mở rộng liên quan đến các công trình, tài sản phục vụ cho mục đích sản xuất, kinh doanh của Công ty còn dở dang tại thời điểm kết thúc niên độ.

Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định

Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định là toàn bộ chi phí phát sinh thực tế liên quan đến việc sửa chữa, cải tạo,... tài sản cố định. Khi công việc sửa chữa lớn tài sản cố định hoàn thành, chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định được kết chuyển vào “Chi phí trả trước dài hạn” để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG ĐỒNG NAI

Số 200 Đường Nguyễn Ái Quốc, Phường Trảng Dài, Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

11. Các khoản đầu tư chứng khoán

Các khoản đầu tư chứng khoán bao gồm các khoản đầu tư vào cổ phiếu, trái phiếu được ghi nhận theo nguyên tắc giá gốc. Giá gốc của các khoản đầu tư chứng khoán là giá mua trên thị trường mua bán chứng khoán và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư chứng khoán.

Đầu tư chứng khoán ngắn hạn bao gồm các loại chứng khoán có thời hạn nắm giữ dưới 12 tháng, đầu tư chứng khoán dài hạn bao gồm các loại chứng khoán đầu tư có thời hạn luân chuyển và thu hồi vốn trên 1 năm.

12. Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn là khoản công cụ dụng cụ và chi phí sửa chữa được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm 3 năm.

13. Nguồn vốn kinh doanh và các quỹ

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động kinh doanh của Công ty.

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty.

14. Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu được ghi khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và

Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trong trường hợp giao dịch về cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu của một số hoạt động chủ yếu được ghi nhận cụ thể như sau:

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG ĐỒNG NAI

Số 200 Đường Nguyễn Ái Quốc, Phường Trảng Dài, Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Doanh thu hoạt động cho thuê đất, phí hạ tầng

Doanh thu hoạt động cho thuê đất, phí sử dụng hạ tầng trả tiền hàng năm được ghi nhận căn cứ hợp đồng cho thuê đất và việc phát hành hóa đơn cho khách hàng.

Doanh thu hoạt động cho thuê đất trả tiền một lần được phân bổ cho số năm thuê đất của khách hàng

Lãi tiền gửi ngân hàng

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

15. Nguyên tắc ghi nhận chi phí

Chi phí được ghi nhận theo thực tế phát sinh trên nguyên tắc phù hợp với doanh thu trong kỳ.

16. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

17. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG ĐỒNG NAI

Số 200 Đường Nguyễn Ái Quốc, Phường Trảng Dài, Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Đơn vị tính: VND

1. Tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	232.836.001	72.533.054
Tiền gửi ngân hàng	21.500.883.729	5.598.890.730
Các khoản tương đương tiền	7.700.000.000	15.100.000.000
Cộng	29.433.719.730	20.771.423.784

2. Đầu tư ngắn hạn khác

Tiền gửi tiết kiệm tại ngân hàng Đầu tư và Phát triển Đồng Nai	10.000.000.000	-
Cộng	10.000.000.000	-

3. Phải thu khách hàng

Ban Quản lý dự án Huyện Định Quán	9.375.208.698	23.773.703.698
Ban Quản lý dự án Huyện Nhơn Trạch	19.713.784.319	31.260.202.473
Ban Quản lý dự án Thoát nước Đồng Nai	2.741.507.000	935.142.000
Công ty Cổ phần BOT và BT Đức Long Đắc Nông	16.861.466.637	-
Công ty Cổ phần Sonadezi Châu Đức	2.066.135.267	941.479.165
Công ty Cổ phần Sonadezi Long Thành	11.151.597.373	1.805.516.611
Công ty Cổ phần Thanh Hưng	5.195.097.500	-
Ban Quản lý dự án Huyện Vĩnh Cửu	1.230.122.000	1.505.073.000
Ban Quản lý dự án Thành phố Biên Hoà	1.471.379.106	1.683.892.516
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Môi trường Đô Thị Đồng Nai	959.064.484	1.076.911.484
DNTN Mỹ Duyên	1.089.000.000	-
Khu bảo tồn Thiên nhiên Văn hoá Đồng Nai	-	2.247.242.000
Sở Giao thông vận tải Đồng Nai	10.924.050	1.551.488.026
Các khách hàng khác	1.376.040.717	2.272.484.034
Cộng phải thu khách hàng	73.241.327.151	69.053.135.007
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(107.027.548)	(166.640.926)
Phải thu khách hàng thuần	73.134.299.603	68.886.494.081

4. Trả trước cho người bán

Đàm Công Năm	1.411.275.365	691.069.922
Hà Phát	1.652.956.289	-
Lê Xuân Nha	1.603.958.856	893.570.428
NM Beton Đức sẵn Hùng Vương	419.247.950	594.000
Đặng Thanh Tâm	562.789.339	808.295.296
Nguyễn Quốc Toàn	1.473.092.108	-

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG ĐỒNG NAI

Số 200 Đường Nguyễn Ái Quốc, Phường Trảng Dài, Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Số cuối năm	Số đầu năm
Hà Châu Tuấn	1.746.160.528	1.262.923.839
Công ty Cổ phần Địa chất và Môi trường Miền Đông	-	2.714.413.000
Công ty Cổ phần Kỹ Thuật Seen	598.185.937	1.386.000.000
Hội đồng bồi thường hỗ trợ và tái định cư	315.000.000	315.000.000
Các nhà cung cấp khác	1.678.467.694	2.208.006.635
Cộng	11.461.134.066	10.279.873.120

5. Các khoản phải thu khác

Ứng tiền đền bù mỏ đá Tân Cang cho Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố Biên Hoà	11.741.280.000	4.650.815.000
Ứng tiền đền bù giải phóng mặt bằng cho Trung tâm Quỹ đất huyện Vĩnh Cửu	96.574.439.276	82.703.404.276
Các khoản phải thu khác	47.407.241	68.137.571
Cộng	108.363.126.517	87.422.356.847

6. Hàng tồn kho

Nguyên liệu, vật liệu	1.163.908.812	457.058.973
Công cụ dụng cụ	144.642	144.642
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	46.333.155.736	34.825.862.935
Thành phẩm	851.695.662	158.141.223
Cộng	48.348.904.852	35.441.207.773

7. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Số đầu năm	Phát sinh trong năm	Kết chuyển vào chi phí trong năm	Số cuối năm
Công cụ dụng cụ	109.306.473	72.435.091	177.171.079	4.570.485
Chi phí sửa chữa	-	91.363.500	-	91.363.500
Cộng	109.306.473	163.798.591	177.171.079	95.933.985

8. Tài sản ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tạm ứng	656.919.307	348.687.083
Ký quỹ ngắn hạn	4.887.515	4.921.654
Cộng	661.806.822	353.608.737

9. Phải thu dài hạn khác

Tiền ký quỹ phục hồi cải tạo môi trường	176.596.373	-
Cộng	176.596.373	-

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG ĐỒNG NAI

Số 200 Đường Nguyễn Ái Quốc, Phường Trảng Dài, Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

10. Tài sản cố định hữu hình

Chi tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Cộng
I. Nguyên giá					
1. Số đầu năm	3.619.269.438	1.511.713.346	7.576.841.944	342.860.003	13.050.684.731
2. Tăng trong năm	142.727.273	14.630.792.904	783.431.274	-	15.556.951.451
- Mua sắm mới	142.727.273	-	783.431.274	-	926.158.547
- Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	-	14.630.792.904	-	-	14.630.792.904
3. Giảm trong năm	125.456.298	22.305.350	677.312.758	213.946.178	1.039.020.584
- Thanh lý	-	-	476.311.925	12.300.000	488.611.925
- Giảm khác (*)	125.456.298	22.305.350	201.000.833	201.646.178	550.408.659
4. Số cuối năm	3.636.540.413	16.120.200.900	7.682.960.460	128.913.825	27.568.615.598
II. Giá trị hao mòn lũy kế					
1. Số đầu năm	996.749.630	1.470.598.203	5.858.303.512	218.013.596	8.543.664.941
2. Tăng trong năm	327.344.285	151.741.857	482.129.019	46.527.172	1.007.742.333
3. Giảm trong năm	121.632.453	22.305.350	677.312.758	169.886.387	991.136.948
- Thanh lý	-	-	476.311.925	12.300.000	488.611.925
- Giảm khác (*)	121.632.453	22.305.350	201.000.833	157.586.387	502.525.023
4. Số cuối năm	1.202.461.462	1.600.034.710	5.663.119.773	94.654.381	8.560.270.326
III. Giá trị còn lại					
1. Số đầu năm	2.622.519.808	41.115.143	1.718.538.432	124.846.407	4.507.019.790
2. Số cuối năm	2.434.078.951	14.520.166.190	2.019.840.687	34.259.444	19.008.345.272

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG ĐỒNG NAI

Số 200 Đường Nguyễn Ái Quốc, Phường Trảng Dài, Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Chỉ tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Cộng
Nguyên giá tài sản cố định hết khấu hao còn sử dụng:					
1. Số đầu năm	140.633.690	1.348.299.346	4.864.054.594	110.909.633	6.463.897.263
2. Số cuối năm	94.232.000	1.410.993.996	4.405.627.550	-	5.910.853.546

(*) Tài sản cố định không đủ điều kiện Công ty thực hiện điều chỉnh sang khoản chi phí trả trước dài hạn để phân bổ theo Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013.

Giá trị còn lại của tài sản cố định dùng thế chấp cho khoản vay ngắn hạn tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Đồng Nai là 2.170.605.494 VND.

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG ĐỒNG NAI

Số 200 Đường Nguyễn Ái Quốc, Phường Trảng Dài, Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**11. Tài sản cố định vô hình**

Là quyền sử dụng đất không thời hạn ở xã Thiện Tân, huyện Vĩnh Cửu.

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số cuối năm	Số đầu năm
Khu nhà ở Hoà An	18.861.363	-
Mỏ đá Tân Cang	16.663.845.819	14.384.985.472
Mỏ cát	3.082.249.709	71.877.908
Chi phí xây dựng dự án Khu công nghiệp Thạnh Phú	14.487.083.440	6.264.030.431
Cộng	34.252.040.331	20.720.893.811

13. Đầu tư dài hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Đầu tư cổ phiếu Công ty Cổ phần Sonadezi Châu Đức (1)	-	-	980.000	9.800.000.000
Đầu tư cổ phiếu Công ty Cổ phần Dịch vụ Sonadezi	100.000	1.000.000.000	100.000	1.000.000.000
Cộng		1.000.000.000		10.800.000.000

(*) Khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Sonadezi Châu Đức với số lượng 980.000 cổ phiếu, giá trị khoản đầu tư là 9.800.000.000 VND, chiếm tỷ lệ 1,4% vốn điều lệ của công ty này. Đến ngày 26 tháng 9 năm 2013 Công ty đã thực hiện chuyển nhượng lại khoản đầu tư chứng khoán này cho Công ty Cổ phần Sonadezi Long Thành theo HĐ số 32/HĐMBCK, giá chuyển nhượng là 9.800.000.000 VND.

14. Chi phí trả trước dài hạn

	Số đầu năm	Phát sinh trong năm	Kết chuyển vào chi phí trong năm	Số cuối năm
Công cụ, dụng cụ	128.638.664	80.449.963	148.450.311	60.638.316
Chi phí sửa chữa	-	88.769.955	39.354.983	49.414.972
Chi phí hoa hồng môi giới	-	352.381.459	29.365.122	323.016.337
Cộng	128.638.664	521.601.377	217.170.416	433.069.625

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG ĐỒNG NAI

Số 200 Đường Nguyễn Ái Quốc, Phường Trảng Dài, Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**15. Vay và nợ ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đồng Nai	57.192.549.210	29.262.459.641
Vay dài hạn đến hạn trả Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đồng Nai (xem Thuyết minh số V.21)	1.040.000.000	1.040.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả Quỹ đầu tư phát triển (xem Thuyết minh V.21)	1.560.000.000	-
Cộng	59.792.549.210	30.302.459.641

Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đồng Nai theo Hợp đồng vay ký ngày 30 tháng 5 năm 2013. Thời hạn vay là 1 năm, lãi suất theo từng khế ước nhận nợ. Khoản vay này được đảm bảo bằng xe ô tô, phương tiện vận tải và thiết bị xe máy cơ giới chuyên dùng, đất và công trình trên đất tại Phường Trảng Dài, Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai, đất tại xã Lang Minh, Huyện Xuân Lộc, Tỉnh Đồng Nai; Quyền đòi nợ Ban quản lý dự án huyện Định Quán và Quyền đòi nợ ban quản lý dự án huyện Nhơn Trạch.

16. Phải trả người bán

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Cường Thuận Idico	6.057.027.623	14.895.891.089
Công ty TNHH Stolt Bitumen Việt Nam	8.352.339.000	-
Công ty TNHH Trường Toàn	5.004.658.207	7.772.014.138
DNTN Khánh Toàn I	1.788.087.760	2.829.929.424
Trần Hữu Dũng	2.359.769.833	-
Nguyễn Văn Huy	2.723.837.284	-
Công ty Speco	13.031.802.000	-
Công ty TNHH MTV Khai thác Công trình Thủy Lợi Đồng Nai	1.663.823.900	-
Công ty TNHH Thương mại Dầu Khí Hồng Phúc	1.481.983.333	-
Công ty TNHH Võ Đăng Khoa	1.542.550.180	-
Công ty TNHH MTV Xây dựng Xuân Hương Phát	1.268.467.147	2.190.080.905
Công ty Cổ phần Ba An	1.397.136.584	305.840.000
DNTN Hà An	1.318.128.703	359.187.056
Vũ Trọng Nghĩa	1.301.459.533	423.356.348
Công ty Công trình tư vấn Xây dựng Sông Đà	332.429.158	32.911.711
Công ty Cổ phần Công nghệ Biển Xanh	68.905.042	68.905.042
Các nhà cung cấp khác	14.924.461.877	15.402.461.428
Cộng	64.616.867.164	44.280.577.141

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG ĐỒNG NAI

Số 200 Đường Nguyễn Ái Quốc, Phường Trảng Dài, Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**17. Người mua trả tiền trước**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH Cường Thuận	1.076.398.997	1.939.544.000
DNTN Gas Hiệp Hương	200.000.000	200.000.000
Công ty TNHH MTV Thịnh Đức Gia Hân	-	806.000.000
Công ty TNHH Chang Shin Việt Nam	-	14.811.556.670
Công ty TNHH Hoà Bình	79.196.627	-
Các khách hàng khác	393.660.151	588.370.751
Cộng	1.749.255.775	18.345.471.421

18. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Chi tiêu	Số đầu năm	Số phải nộp	Số đã nộp	Số cuối năm
Thuế GTGT dịch vụ cung cấp trong nước	-	2.054.987.461	2.054.905.915	81.546
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	1.303.180.200	1.303.180.200	
Thuế thu nhập doanh nghiệp (*)	(39.190.383)	316.176.145	57.851.781	219.133.981
Thuế thu nhập cá nhân	19.471.498	257.003.616	267.141.828	9.333.286
Thuế tài nguyên	-	182.178.500	179.970.500	2.208.000
Thuế nhà đất, tiền thuê đất (*)	23.294.250	219.050.700	249.050.700	(6.705.750)
Các loại thuế khác	-	133.795.000	132.835.000	960.000
Thuế môn bài	-	3.000.000	3.000.000	-
Phí bảo vệ môi trường	-	130.795.000	129.835.000	960.000
Cộng	3.575.365	4.466.371.622	4.244.935.924	225.011.063

(*) Trình bày ở chi tiêu "Thuế và các khoản phải thu Nhà nước".

• **Thuế giá trị gia tăng**

Công ty áp dụng luật thuế giá trị gia tăng theo quy định hiện hành.

- Phương pháp tính thuế : Phương pháp khấu trừ
- Thuế suất áp dụng
 - + Tiền thuê hạ tầng kỹ thuật : 0 %
 - + Hoạt động xây dựng, phí sử dụng hạ tầng : 10%

• **Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Xem Thuyết minh số VI.7.

• **Thuế tài nguyên**Thuế suất áp dụng là 10% đối với khai thác cát tính theo sản lượng khai thác với giá tính thuế là 115.000 VND/m³.• **Các khoản thuế khác**

Công ty kê khai và nộp thuế theo qui định.

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG ĐỒNG NAI

Số 200 Đường Nguyễn Ái Quốc, Phường Trảng Dài, Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**19. Các khoản phải trả khác**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Bảo hiểm xã hội	129.384.970	58.869.862
Bảo hiểm y tế	20.885.306	-
Bảo hiểm thất nghiệp	9.009.799	-
Quỹ đầu tư và phát triển Đồng Nai	602.964.253	890.422.496
Bảo hành công trình	10.158.013.074	11.626.863.074
Nhận góp vốn vào khu mỏ đá Đaklua	2.130.000.000	1.810.000.000
Tiền thuê đất tạm được miễn chờ quyết toán lại	465.356.625	-
Các khoản phải trả khác	2.669.795.226	788.166.780
Cộng	16.185.409.253	15.174.322.212

20. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số đầu năm	Tăng khác (*)	Chi quỹ trong năm	Số cuối năm
Quỹ khen thưởng	47.243.494	-	193.126.331	(145.882.837)
Quỹ phúc lợi	47.243.494	82.000.000	103.188.093	26.055.401
Cộng	94.486.988	82.000.000	296.314.424	(119.827.436)

(*) Bổ sung quỹ phúc lợi vào lương theo Biên bản số 192/BB-TCĐN của Sở tài chính ngày 11 tháng 9 năm 2013.

21. Vay và nợ dài hạn

Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đồng Nai (1)	16.360.000.000	10.060.000.000
Vay dài hạn Quỹ đầu tư và Phát triển (2)	2.306.000.000	1.054.000.000
Cộng	18.666.000.000	11.114.000.000

- (1) Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đồng Nai theo Hợp đồng vay số 20110141/HĐTD/SME ngày 21 tháng 07 năm 2011. Thời hạn vay là 07 năm, thời gian ân hạn 2 năm với lãi suất 13,6%/năm. Khoản vay này được đảm bảo bằng giá trị tài sản hình thành trong tương lai là mỏ đá Tân Cang 4.

Khoản nợ dài hạn Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đồng Nai được hoàn trả như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Trong vòng 1 năm	1.040.000.000	1.040.000.000
Từ năm thứ 2 đến năm thứ 7	16.360.000.000	11.114.000.000
	17.400.000.000	12.154.000.000
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần nợ ngắn hạn)	1.040.000.000	1.040.000.000
Số phải trả sau 12 tháng	16.360.000.000	11.114.000.000

- (2) Vay dài hạn Quỹ đầu tư phát triển Việt Nam theo Hợp đồng vay số 44/2012/HĐTD/TD-MT ký ngày 10 tháng 10 năm 2012. Khoản vay này Công ty Cổ phần Công trình Giao thông Đồng Nai vay hộ cho Ban Quản lý Dự án. Thời hạn vay là 05 năm, lãi suất là 6%/năm. Khoản vay này được đảm bảo bằng Hợp đồng tiền gửi 03/2012/HĐTG ngày 27 tháng 08 năm 2012 của Công ty Cổ phần

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG ĐỒNG NAI

Số 200 Đường Nguyễn Ái Quốc, Phường Trảng Dài, Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Sonadezi Long Bình và Hợp đồng tiền gửi 04/2012/HĐTG ngày 29 tháng 08 năm 2012 Tổng Công ty Phát triển KCN Sonadezi.

Khoản nợ dài hạn Quỹ đầu tư phát triển Việt Nam được hoàn trả như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Trong vòng 1 năm	1.560.000.000	-
Từ năm thứ 2 đến năm thứ 4	2.306.000.000	-
	3.866.000.000	-
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần nợ ngắn hạn)	1.560.000.000	-
Số phải trả sau 12 tháng	2.306.000.000	-

22. Phải trả dài hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vốn góp của các bên tham gia dự án KCN Thạnh Phú		
Tổng Công ty Phát triển Khu công nghiệp	60.000.000.000	60.000.000.000
Công ty Cổ phần Sonadezi Long Bình	30.000.000.000	30.000.000.000
Cộng	90.000.000.000	90.000.000.000

23. Doanh thu chưa thực hiện

Nhận trước tiền phí sử dụng hạ tầng trong nhiều năm của Công ty Chang Shin Việt Nam TNHH	38.869.685.628	-
Cộng	38.869.685.628	-

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG ĐỒNG NAI

Số 200 Đường Nguyễn Ái Quốc, Phường Trảng Dài, Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

24. Vốn chủ sở hữu

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu trong năm

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số đầu năm trước	24.810.000.000	3.017.124.669	1.126.279.170	2.792.180.116	31.745.583.955
Lợi nhuận năm trước	-	-	-	858.538.999	858.538.999
Chia lợi nhuận dự án Bửu Long	-	-	-	73.206.613	73.206.613
Trích các quỹ năm trước	-	47.243.494	47.243.494	(188.973.977)	(94.486.989)
Tăng khác	-	16.927.269.861	-	51.520.000	16.978.789.861
Giảm khác	-	(12.880.000)	(12.880.000)	(200.000.000)	(225.760.000)
Số cuối năm trước/					
Số dư đầu năm nay	24.810.000.000	19.978.758.024	1.160.642.664	3.386.471.751	49.335.872.439
Lợi nhuận năm 2013	-	-	-	865.523.904	865.523.904
Chia lợi nhuận dự án Bửu Long	-	-	-	15.102.583	15.102.583
Tăng khác	-	-	-	200.000.000	200.000.000
Chi trả cổ tức 2011	-	-	-	(1.624.849.380)	(1.624.849.380)
Thuế thu nhập cá nhân của cổ tức	-	-	-	(8.877.225)	(8.877.225)
Điều chỉnh theo Biên bản của Sở tài chính (*)	-	-	-	34.776.412	34.776.412
Số cuối năm nay	24.810.000.000	19.978.758.024	1.160.642.664	2.868.148.045	48.817.548.733

(*) Điều chỉnh tăng lợi nhuận năm 2012 theo Biên bản số 192/BB-TCDN của Sở tài chính ngày 11 tháng 9 năm 2013.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG ĐỒNG NAI

Số 200 Đường Nguyễn Ái Quốc, Phường Trảng Dài, Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tổng công ty Phát triển Khu Công nghiệp	15.810.000.000	15.810.000.000
Ông Phan Quốc Anh	1.000.000.000	1.000.000.000
Các cổ đông khác	8.000.000.000	8.000.000.000
Cộng	24.810.000.000	24.810.000.000

Cổ phiếu

Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	2.481.000	2.481.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	2.481.000	2.481.000
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>2.481.000</i>	<i>2.481.000</i>
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	-
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	2.481.000	2.481.000
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>2.481.000</i>	<i>2.481.000</i>
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

Mệnh giá cổ phiếu là 10.000 VND/cổ phiếu.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**1. Doanh thu**

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu xây lắp	153.484.423.223	119.808.356.481
Doanh thu dự án	1.200.618.183	710.636.365
Doanh thu cho thuê khu công nghiệp	547.203.083	-
Doanh thu khác	61.939.900	384.881.818
Cộng	155.294.184.389	120.903.874.664

2. Giá vốn hàng bán

Giá vốn xây lắp	145.865.075.258	112.594.849.580
Giá vốn cho thuê khu công nghiệp	73.499.511	-
Cộng	145.938.574.769	112.594.849.580

3. Doanh thu hoạt động tài chính

Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.035.560.494	2.702.140.413
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	502.778.000
Doanh thu hoạt động tài chính khác	3.137.286.955	1.292.652.275
Cộng	4.172.847.449	4.497.570.688

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG ĐỒNG NAI

Số 200 Đường Nguyễn Ái Quốc, Phường Trảng Dài, Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**4. Chi phí bán hàng**

	Năm nay	Năm trước
Chi phí dịch vụ mua ngoài	36.360.925	147.145.269
Cộng	36.360.925	147.145.269

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí nhân viên	4.380.342.877	4.463.300.451
Chi phí nguyên vật liệu	436.027.698	763.187.128
Chi phí đồ dùng văn phòng	154.126.434	-
Chi phí khấu hao	350.021.649	177.684.757
Thuế, phí và lệ phí	470.558.423	-
Chi phí dự phòng	(56.085.260)	20.514.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	732.470.049	1.089.682.115
Chi phí bằng tiền khác	1.565.649.028	2.043.614.033
Cộng	8.033.110.898	8.557.982.484

6. Lợi nhuận khác

Thanh lý tài sản cố định	632.018.182	755.881.818
Thu nhập khác	17.556.989	164.354.071
Thu nhập khác	649.575.171	920.235.889
Bán đá thanh lý	143.172.946	537.113.989
Nộp phạt	4.835.781	6.000.000
Chi phí khác	4.000.627	2.761.132
Chi phí khác	152.009.354	545.875.121
Lợi nhuận thuần từ hoạt động khác	497.565.817	374.360.768

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG ĐỒNG NAI

Số 200 Đường Nguyễn Ái Quốc, Phường Trảng Dài, Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

7. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận trước thuế	1.181.700.049	903.741.949
<i>Điều chỉnh thu nhập chịu thuế:</i>	<i>83.004.531</i>	<i>(698.156.978)</i>
Trừ: Các khoản điều chỉnh giảm	83.004.531	169.083.683
Cộng: Các khoản điều chỉnh tăng	-	(867.240.661)
Thu nhập chịu thuế	1.264.704.580	145.212.122
Thuế suất áp dụng	25%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	316.176.145	36.303.031

Thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 25% thu nhập chịu thuế.

Công ty không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả vì không có chênh lệch tạm thời đáng kể giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản và công nợ phải trả trên Báo cáo tài chính.

8. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi trên cổ phiếu cơ bản được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế	865.523.904	877.982.258
Các điều chỉnh để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(4.154.357)	86.330.880
<i>Lãi/lỗ dự án khu công nghiệp Thạnh Phú</i>	<i>(19.256.940)</i>	<i>13.124.267</i>
<i>Lỗ dự án khu dân cư Bửu Long</i>	<i>15.102.583</i>	<i>73.206.613</i>
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	861.369.547	944.869.879
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	2.481.000	2.481.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	347	381

9. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

Chi phí nguyên liệu, vật liệu	126.293.251.336	60.162.964.278
Chi phí nhân công	32.891.669.720	30.758.810.259
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.007.742.333	951.636.066
Chi phí dịch vụ mua ngoài	22.840.124.184	24.541.120.474
Chi phí khác bằng tiền	2.639.723.561	2.241.992.376
Cộng	185.672.511.134	118.656.523.453

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG ĐỒNG NAI

Số 200 Đường Nguyễn Ái Quốc, Phường Trảng Dài, Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC****1. Nghiệp vụ và số dư các bên liên quan*****Giao dịch với các bên liên quan***

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan

Tổng Công ty Phát triển Khu công nghiệp Biên Hoà
 Công ty Cổ phần Sonadezi An Bình
 Công ty Cổ phần Sonadezi Châu Đức
 Công ty Cổ phần Sonadezi Long Bình
 Công ty Cổ phần Sonadezi Long Thành

Mối quan hệ

Công ty mẹ
 Công ty cùng hệ thống
 Công ty cùng hệ thống
 Công ty cùng hệ thống
 Công ty cùng hệ thống

Trong năm, Công ty có phát sinh giao dịch với các bên liên quan như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu xây lắp		
Công ty Cổ phần Sonadezi Châu Đức	17.452.644.624	10.576.465.902
Công ty Cổ phần Sonadezi Long Thành	18.827.815.794	6.852.014.275

Chuyển nhượng khoản đầu tư

Công ty Cổ phần Sonadezi Long Thành	9.800.000.000	-
-------------------------------------	---------------	---

Tại ngày kết thúc niên độ, số dư với các bên liên quan như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Phải thu khách hàng		
Công ty Cổ phần Sonadezi An Bình	-	245.274.500
Công ty Cổ phần Sonadezi Châu Đức	2.066.135.267	941.479.165
Công ty Cổ phần Sonadezi Long Thành	11.151.597.373	1.805.516.611

Phải trả dài hạn khác

Tổng Công ty Phát triển Khu công nghiệp	60.000.000.000	60.000.000.000
Công ty Cổ phần Sonadezi Long Bình	30.000.000.000	30.000.000.000

Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc

Thu nhập Ban Tổng Giám đốc Công ty trong năm như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tiền lương, thưởng	1.038.839.891	889.831.300
Cộng	1.038.839.891	889.831.300

2. Công cụ tài chính**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG ĐỒNG NAI

Số 200 Đường Nguyễn Ái Quốc, Phường Trảng Dài, Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông (bao gồm vốn đầu tư chủ sở hữu, các quỹ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số IV.4.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tài sản tài chính		
Tiền	29.433.719.730	20.771.423.784
Đầu tư ngắn hạn	10.000.000.000	-
Phải thu khách hàng	73.134.299.603	68.886.494.081
Các khoản phải thu khác	108.363.126.517	87.422.356.847
Tài sản dài hạn khác	4.887.515	4.921.654
Phải thu dài hạn khác	176.596.373	-
Đầu tư dài hạn khác	1.000.000.000	10.800.000.000
Cộng	222.112.629.738	187.885.196.366
Nợ phải trả tài chính		
Vay ngắn hạn	59.792.549.210	30.302.459.641
Phải trả người bán	64.616.867.164	44.280.577.141
Các khoản phải trả, phải nộp khác	15.560.772.553	15.115.452.350
Phải trả dài hạn khác	90.000.000.000	90.000.000.000
Vay dài hạn	18.666.000.000	11.114.000.000
Cộng	248.636.188.927	190.812.489.132

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 6 tháng 11 năm 2009 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro ngoại tệ (rủi ro tỷ giá), rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

Công ty hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp, cho nên Công ty không có rủi ro trọng yếu liên quan đến sự biến động của thị trường.

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG ĐỒNG NAI

Số 200 Đường Nguyễn Ái Quốc, Phường Trảng Dài, Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)***Rủi ro tín dụng***

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty hoạt động kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp, số tiền cho thuê đất nhận trước nhiều năm; đối với phí hạ tầng và các dịch vụ có liên quan, Công ty thu tiền hàng tháng; Vì thế, Công ty chỉ có rủi ro tín dụng liên quan đến các khoản tiền gửi ngân hàng.

Các khoản tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công cụ nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Số cuối năm				
Vay ngắn hạn	59.792.549.210	-	-	59.792.549.210
Phải trả người bán	64.616.867.164	-	-	64.616.867.164
Các khoản phải trả, phải nộp khác	15.560.772.553	-	-	15.560.772.553
Phải trả dài hạn khác	-	90.000.000.000	-	90.000.000.000
Vay dài hạn	-	18.666.000.000	-	18.666.000.000
Cộng	139.970.188.927	-	108.666.000.000	248.636.188.927
Số đầu năm				
Vay ngắn hạn	30.302.459.641	-	-	30.302.459.641
Phải trả người bán	44.280.577.141	-	-	44.280.577.141
Các khoản phải trả, phải nộp khác	15.115.452.350	-	-	15.115.452.350
Phải trả dài hạn khác	-	90.000.000.000	-	90.000.000.000
Vay dài hạn	-	11.114.000.000	-	11.114.000.000
Cộng	89.698.489.132	-	101.114.000.000	190.812.489.132

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh toán ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính đáo hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG ĐỒNG NAI

Số 200 Đường Nguyễn Ái Quốc, Phường Trảng Dài, Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Số cuối năm				
Tiền	29.433.719.730	-	-	29.433.719.730
Đầu tư ngắn hạn	-	10.000.000.000	-	10.000.000.000
Phải thu khách hàng	73.134.299.603	-	-	73.134.299.603
Các khoản phải thu khác	108.363.126.517	-	-	108.363.126.517
Tài sản dài hạn khác	-	4.887.515	-	4.887.515
Phải thu dài hạn khác	-	176.596.373	-	176.596.373
Đầu tư dài hạn khác	-	1.000.000.000	-	1.000.000.000
Cộng	210.931.145.850	11.181.483.888	-	222.112.629.738
Số đầu năm				
Tiền	20.771.423.784	-	-	20.771.423.784
Phải thu khách hàng	68.886.494.081	-	-	68.886.494.081
Các khoản phải thu khác	87.422.356.847	-	-	87.422.356.847
Tài sản dài hạn khác	-	4.921.654	-	4.921.654
Phải thu dài hạn khác	-	-	-	-
Đầu tư dài hạn khác	-	10.800.000.000	-	10.800.000.000
Cộng	177.080.274.712	10.804.921.654	-	187.885.196.366

Đồng Nai, ngày 15 tháng 03 năm 2014



BÌ LONG SƠN
Tổng Giám đốc

PHẠM TRẦN HƯNG THỊNH
Kế toán trưởng

HOÀNG THỊ THANH LIÊN
Người lập biểu

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

Tổng Giám đốc**Bì Long Sơn**